THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1519/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ tại Tờ trình số 241/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023, Công văn số 4870/UBND-TH ngày 25 tháng 11 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 1645/BC-HĐTĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và kết quả rà soát hồ sơ Quy hoạch thành phố Cần Thơ tại Văn bản số 5188/CV-HĐTĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch thành phố Cần Thơ bao gồm toàn bộ thành phố Cần Thơ với tổng diện tích tự nhiên là 1.440,40 km^2, gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó, có 05 quận (Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt) và 04 huyện (Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh):

- Phía Bắc: Giáp với tỉnh An Giang;

- Phía Nam: Giáp với tỉnh Hậu Giang;

- Phía Đông: Giáp với tỉnh Đồng Tháp;

- Phía Tây: Giáp với tỉnh Kiên Giang.

Thành phố Cần Thơ có tọa độ địa lý khoảng 9°55’08’’ đến 10°19’38’’ vĩ độ Bắc và 105°13’38’’ đến 105°50’35’’ kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với các chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, phù hợp với Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; bảo đảm dân chủ, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

b) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ quy hoạch; tập trung nguồn lực đầu tư các công trình, dự án có tác dụng lan tỏa lớn tạo động lực phát triển cho thành phố. Phát huy tối đa nội lực và ngoại lực, đặc biệt là các liên kết vùng và kết nối hạ tầng vùng đồng bằng sông Cửu Long; chú trọng yếu tố thị trường và hợp tác giữa các thành phần kinh tế; lấy công nghệ hiện đại làm trọng tâm; thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và thương mại dịch vụ.

c) Phát triển nhanh, bền vững bao trùm, cân bằng, tổng thể, toàn diện cả ba lĩnh vực: kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường. Lấy con người làm trung tâm, chủ

thể, mục tiêu, động lực phát triển gắn với đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới, sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và cảnh quan tự nhiên đặc trưng.

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; chú trọng mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đảm bảo an sinh xã hội của người dân; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, di sản văn hóa; mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Thành phố Cần Thơ là cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Cửu Long; thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa xứ Tây Đô; là trung tâm đô thị, trung tâm dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu kết nối nội vùng, liên vùng và liên vận quốc tế.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân từ 7,5% đến 8%; GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt trên 220 triệu đồng.

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực: nông, lâm, thủy sản khoảng 5,9%, công nghiệp - xây dựng khoảng 35,9%, dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 58,2%.

+ Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt từ 11 - 15%/năm.

+ Phát triển mạnh hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GRDP.

- Về xã hội:

+ Dân số tăng bình quân khoảng 0,67%/năm.

+ Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40%.

+ Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở cấp học mầm non đạt trên 90%, cấp tiểu học đạt trên 95%, cấp trung học cơ sở đạt trên 95%, cấp trung học phổ thông đạt trên 85%.

+ Số giường bệnh/vạn dân tối thiểu 55 giường; số bác sĩ/vạn dân tối thiểu 20 bác sỹ; tỷ lệ giường bệnh tư nhân tối thiểu 15%.

+ Phấn đấu 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trên 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở mức dưới 0,32% vào năm 2025; và phấn đấu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn chung của quốc gia.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%, chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đạt 80%, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, chất thải nguy hại lây nhiễm được thu gom và xử lý 100%.

+ Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đủ tiêu chuẩn xả thải ra môi trường đạt 100%; có 100% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường; bảo đảm 100% nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn tương đương với chất lượng nước thải thải ra nguồn tiếp nhận dùng cho mục đích sinh hoạt.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 80%; bảo đảm 100% đô thị loại IV trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và các công trình văn hóa cấp đô thị.

- Về quốc phòng, an ninh: Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; thuộc nhóm các thành phố phát triển khá ở Châu Á, trở thành thành phố thông minh đáng sống của Việt Nam.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển

a) Đổi mới mạnh mẽ tư duy lãnh đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và tư duy kinh tế của doanh nghiệp, người dân gắn với thực hiện chuyển đổi số dựa trên 03 trụ cột chính (kinh tế số, xã hội số, chính quyền số).

b) Nghiên cứu, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách nhằm huy động tối đa và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó, ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm có tính chiến lược và lan tỏa.

c) Thu hút và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực trong các lĩnh vực mũi nhọn; tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu chuyên sâu trong và ngoài nước để thực hiện mục tiêu phát triển.

d) Tái cấu trúc không gian đô thị, đặc biệt trong các quận trung tâm, nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất; tạo quỹ đất phát triển những khu vực trọng điểm cấp vùng về y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại, dịch vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Công nghiệp

- Phát triển ngành công nghiệp hóa chất, cơ khí chế tạo, năng lượng, dược phẩm, điện tử, chế biến nông thủy sản, thực phẩm và công nghiệp hỗ trợ có tính nền tảng, hiện đại, bền vững, phù hợp với điều kiện, tự nhiên, lợi thế của địa phương.

- Đẩy nhanh hoàn thành các khu công nghiệp Vĩnh Thạnh, Thới Lai - Cờ Đỏ; đô thị - công nghiệp - cảng - logistics Thốt Nốt; Trung tâm năng lượng, công nghiệp - công nghệ cao Ô Môn; thúc đẩy liên kết và hội nhập hành lang kinh tế đô thị - công nghiệp từ Cần Thơ đến Long An. Định hướng phát triển mới hệ thống đường ống dẫn khí phục vụ cho các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Từng bước di dời các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ven sông Hậu tạo quỹ đất để phát triển đô thị và các dịch vụ chất lượng cao; di dời các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm vào các khu, cụm công nghiệp.

b) Thương mại - dịch vụ

- Phát triển thương mại theo hướng văn minh, hiện đại; phấn đấu trở thành trung tâm phân phối của vùng đồng bằng sông Cửu Long; phát triển, mở rộng thị

trường tiêu thụ hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu; đẩy mạnh thương mại điện tử, hình thành các trung tâm thương mại cấp vùng.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao, sản phẩm dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Các dịch vụ được ưu tiên phát triển như logistics, du lịch, y tế, giáo dục, tài chính ngân hàng, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, giao thông vận tải, vui chơi giải trí, mua sắm, văn hóa - thể thao.

- Liên kết với các cơ sở quốc tế, các doanh nghiệp đào tạo nguồn lực chuyên sâu đáp ứng mục tiêu thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

c) Nông nghiệp và thủy sản

- Phát triển bền vững, an toàn, thịnh vượng trên cơ sở tích hợp đa ngành, có điều phối liên kết vùng, liên kết ngành.

- Phát huy lợi thế, hiệu quả các nguồn lực, tài nguyên, tập trung xây dựng các vùng sản xuất nông - thủy sản chuyên canh đạt tiêu chuẩn, đáp ứng theo từng nhóm thị trường. Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hình thành các Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ và Thới Lai. Triển khai có hiệu quả và thu hút các doanh nghiệp chiến lược đầu tư kinh doanh vào Trung tâm liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển nông nghiệp đô thị góp phần xây dựng môi trường sinh thái, cảnh quan, cung cấp thực phẩm xanh, đô thị bền vững. Phát huy tối đa lợi thế chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới để phối hợp nguồn lực, phát triển toàn diện mọi mặt của sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn.

d) Quốc phòng, an ninh

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang Thành phố có sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, chủ động xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống. Tiếp tục xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

2. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính

a) Năm trục động lực kinh tế

- Hai trục ngang bao gồm: (1) tuyến phát triển dọc theo cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, trong đó phía Đông chủ yếu phát triển thêm về công nghiệp, phía Tây phát triển thêm du lịch sinh thái, đô thị; (2) tuyến hành lang kinh tế hiện hữu Tây sông Hậu, bao gồm các trục quốc lộ 91, đường Vành đai phía Tây, đường tỉnh 920D, với các loại hình phát triển tập trung vào thương mại dịch vụ, đô thị sinh thái và đô thị công nghiệp.

- Ba trục dọc bao gồm: (1) dọc theo các tuyến cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi; (2) đường liên vùng Ô Môn - Giồng Riềng; (3) quốc lộ 1A và tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau. Trong đó, tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Ô Môn - Giồng Riềng định hướng phát triển công nghiệp, tạo kết nối vùng về hành lang công nghiệp; tuyến dọc quốc lộ 1A chủ yếu phát triển theo hướng kết nối hành lang đô thị chính của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Ba vùng phát triển

- Vùng thứ nhất, gồm: quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, huyện Phong Điền (định hướng phát triển thành thị xã) và một phần diện tích quận Ô Môn, huyện Thới Lai là vùng đô thị phát triển mật độ cao. Phát huy kết nối sân bay, đường sắt, đường thủy, đường bộ để thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Vùng thứ hai, gồm: phần còn lại của quận Ô Môn, quận Thốt Nốt và một phần các huyện: Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh là vùng động lực phát triển kinh tế mới phía Bắc với công năng đô thị, đô thị sinh thái cao cấp, đô thị công nghiệp, cảng, thương mại, dịch vụ, logistics.

- Vùng thứ ba, gồm: một phần các huyện: Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, là vùng phía Tây cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng với những hình thức sinh kế mới như: chuyển đổi từ lúa sang cây trồng vật nuôi, kết hợp năng lượng mặt trời, công nghệ môi trường, du lịch sinh thái sông nước, trang trại.

c) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15

ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030.

Tên, địa lý và phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Phương án phát triển hệ thống đô thị

a) Tổ chức triển khai quy hoạch xây dựng và đầu tư phát triển đô thị theo kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

b) Về quy mô, cấu trúc hệ thống đô thị

- Thành phố Cần Thơ là đô thị loại I trực thuộc trung ương có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí của đô thị theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Mô hình phát triển đô thị định hướng như sau:

+ Các đơn vị hành chính thuộc 05 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt là vùng tập trung các chức năng đô thị, dân cư mật độ cao. Định hướng phát triển huyện Phong Điền thành thị xã Phong Điền, là đô thị sinh thái đặc thù. Ưu tiên nguồn lực thực hiện quy hoạch phân khu và phát triển các khu đô thị mới dọc theo các trục đường chính của thành phố; phát triển đô thị mới, dịch vụ chất lượng cao dọc sông Hậu sau khi di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, công nghệ cũ.

+ Các đơn vị hành chính đô thị cấp huyện được thành lập theo đề án sắp xếp đơn vị hành chính và hệ thống các đơn vị hành chính đô thị cấp phường, thị trấn thuộc cấp huyện (tại Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh); chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tăng cường các loại sinh kế phi nông nghiệp cho người dân cũng như phát triển các cấu trúc đô thị sinh thái đặc thù. Trong đó:

. Đến năm 2030, khu vực thị trấn thuộc huyện phấn đấu đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV.

. Khu vực nông thôn (xã) đạt tiêu chuẩn loại đô thị sẽ được phân loại thành đơn vị hành chính đô thị theo quy định pháp luật hiện hành. Trước mắt, ưu tiên đầu

tư phát triển xã Trung An đạt tiêu chuẩn đô thị loại V khi đủ điều kiện, tiêu chí theo quy định.

c) Về tính chất đô thị

- Thành phố Cần Thơ là đô thị trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, tập trung vào 03 chiến lược chính: (1) các kết nối và nút hạ tầng liên vùng về đường sắt, hàng không, đường thủy và đường bộ cao tốc; (2) bố cục các vùng chức năng tập trung, cung cấp các dịch vụ cho toàn vùng; (3) phát triển đô thị theo hướng tiên phong cho những mô hình phát triển đô thị đặc thù của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Đô thị sinh thái sông nước cao cấp nhất dọc sông Hậu, lấy sông Hậu là mặt tiền chính cho toàn thành phố, phát triển bản sắc của từng quận, huyện thành đô thị bên các sông nhánh.

- Đô thị hiện đại: Xây dựng Cần Thơ trở thành đô thị hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường. Phát triển trục hạ tầng đa phương thức dọc theo trục hành lang kinh tế Đông - Tây, đường sắt trên cao phục vụ cảnh quan, du lịch dọc sông Hậu; phát triển đô thị gắn với nhà ga đường sắt, sân bay.

- Đô thị thông minh: Đô thị số gắn với phát triển kinh tế số, tích hợp kỹ thuật số để nâng cao hiệu quả của hệ thống hạ tầng cứng, nhất là hạ tầng giao thông.

2. Phương án phát triển khu vực nông thôn

a) Tổ chức triển khai cụ thể việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính huyện, xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Các điểm dân cư nông thôn được phát triển theo định hướng hiện đại hóa nông thôn gắn với việc tổ chức lại mô hình kinh tế và cơ cấu ngành nghề. Phát triển mô hình nông thôn mới theo các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới nâng cao kiểu mẫu.

c) Các khu định cư nông thôn được tổ chức không gian phát triển theo 04 mô hình chính: (1) định cư vùng lúa; (2) định cư vùng miệt vườn sông nước; (3) nông trại hiện đại; (4) nông trường và không gian miệt vườn trung tâm.

3. Phương án phát triển vùng huyện

a) Tổ chức triển khai việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Khai thác hiệu quả các chức năng chính với các vùng huyện phát triển dựa trên thế mạnh và điều kiện thực tế gồm: Huyện Vĩnh Thạnh, huyện Thới Lai,

huyện Cờ Đỏ (các chức năng còn lại sẽ được cụ thể hóa ở các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị,… phù hợp với tình hình thực tế và quỹ đất của từng quận, huyện).

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Khu công nghiệp

Đến năm 2030, có 14 khu công nghiệp thuộc địa bàn các quận, huyện: Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh với diện tích khoảng 7.473 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

2. Cụm công nghiệp hỗ trợ

Tiếp tục nghiên cứu, mời gọi đầu tư các cụm công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn quận Bình Thủy, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh, khoảng 300 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

3. Khu du lịch

Mở rộng và phát triển mới các khu du lịch, dự kiến tại các quận, huyện của thành phố, chú trọng đầu tư khai thác hiệu quả dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí để tạo các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, có thương hiệu, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế, với tổng diện tích khoảng 720 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

4. Khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Tập trung nguồn lực để triển khai đầu tư "Bảo tồn và Phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể, làng nghề, danh lam thắng cảnh" trên địa bàn gắn với phát triển du lịch thành phố. Phát huy và khai thác hiệu quả các công trình, di tích lịch sử văn hóa đã được đầu tư gắn với giáo dục truyền thống, bản sắc văn hóa và phát triển du lịch.

- Định hướng đến 2030, đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh có diện tích khoảng 210 ha.

5. Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Bố trí không gian phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp gắn với hạ tầng giao thông, thủy lợi để nâng cao hiệu quả phát triển tổng hợp, tăng cường liên kết giữa sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm.

- Thành lập Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long với diện tích khoảng 250 ha tại quận Bình Thủy và huyện Cờ Đỏ.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

6. Khu thể dục thể thao

Nâng cấp, phát triển hạ tầng mạng lưới các khu thể dục thể thao thành phố Cần Thơ, dự kiến tại các quận, huyện của thành phố, đảm bảo đáp ứng nhu cầu, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, với tổng diện tích khoảng 300 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

Phát triển mạng lưới giao thông phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, đồng bộ, hiện đại, liên thông và kết nối thúc đẩy liên kết vùng, bảo đảm an toàn giao thông, thuận tiện và thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Kết cấu hạ tầng giao thông cấp quốc gia

Các tuyến đường bộ cao tốc và quốc lộ, đường thủy nội địa, cảng hàng không, cảng biển, đường sắt: thực hiện theo các quy hoạch chuyên ngành quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Kết cấu hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Về đường bộ:

+ Xây dựng hệ thống đường gom dọc trên các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ; xây dựng các nút giao lớn, trọng điểm kết nối liên thông các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ với các tuyến đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị để tăng cường tính kết nối giao thông liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

+ Xây dựng mới tuyến đường liên tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang) và cầu Ô Môn bắc qua sông Hậu; nâng cấp, mở rộng tuyến quốc lộ 91 đoạn Km0 - Km7 trên địa bàn quận Ninh Kiều và Bình Thủy; nâng cấp, mở rộng quốc lộ 61C (đoạn trên địa bàn thành phố Cần Thơ).

+ Nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường tỉnh; một số tuyến đường huyện quan trọng lên thành đường tỉnh; các đường vành đai, đường đô thị,

hình thành kết cấu hạ tầng giao thông đô thị hợp lý hoàn chỉnh. Quỹ đất xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đô thị tính đến trục khu vực đạt khoảng 18% - 25% so với quỹ đất xây dựng tại các đô thị. Xây dựng hệ thống giao thông thông minh phục vụ tổ chức, quản lý, điều hành giao thông đô thị.

+ Xây dựng các bến xe khách phục vụ vận tải hành khách liên tỉnh; các bến, bãi đỗ xe kết hợp với các chức năng sử dụng đất khác tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp,… trên địa bàn thành phố.

+ Ưu tiên xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng và phương tiện cho hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, phấn đấu đạt chỉ tiêu tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng khoảng 30% - 35%.

- Về đường thủy:

+ Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa lớn quan trọng của thành phố và nạo vét, duy tu, mở rộng các tuyến đường thủy nội địa còn lại để tăng cường vai trò vận tải thủy trên địa bàn các quận, huyện.

+ Xây dựng các cảng thủy nội địa hàng hóa lớn, trọng điểm trên sông Hậu, kênh Xà No, kênh Cái Sắn, sông Ô Môn, kênh Thị Đội - Ô Môn; các cảng thủy nội địa hành khách lớn, trọng điểm trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác. Hình thành các tuyến buýt đường thủy gắn với các cảng, bến trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác.

- Về đường sắt:

+ Định hướng xây dựng các tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga có hướng tuyến cơ bản bám theo các trục đường Vành đai phía Tây thành phố, quốc lộ 91, quốc lộ 91B, quốc lộ Nam Sông Hậu,…; phát triển các tuyến xe điện mặt đất trên các tuyến đường đô thị khi đủ điều kiện cho phép.

+ Xây dựng nút giao thông công cộng (TOD) và logistics đường sắt gắn với nhà ga Cần Thơ của tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - thành phố Cần Thơ.

- Về cảng hàng không:

+ Xây dựng trung tâm logistics chuyên dụng hàng không gắn với Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ; Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

+ Phát triển các sân bay và vùng nước dành cho thủy phi cơ trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt.

- Về cảng biển: Xây dựng các trung tâm logistics gắn với cảng biển Cần Thơ; xây dựng các cảng cạn tại các khu công nghiệp Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh, khu công nghiệp Cờ Đỏ - Thới Lai và các khu công nghiệp khác trên địa bàn thành phố, kết nối với các tuyến cao tốc, quốc lộ và cảng biển Cần Thơ.

(Chi tiết tại Phụ I, II, III, IV, V và XXIV kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng, dịch vụ bưu chính theo hướng chuyển dịch từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số; phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng trở thành hạ tầng số, phục vụ phát triển đô thị thông minh, chuyển đổi số thương mại điện tử. Từng bước ngầm hóa hạ tầng viễn thông, tăng cường sử dụng hạ tầng dùng chung, đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị; đầu tư mạng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình có khả năng cung cấp chương trình chất lượng và dịch vụ giá trị gia tăng cao.

Thực hiện lộ trình số hóa hạ tầng thiết yếu khác phục vụ đô thị thông minh, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chủ lực theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng phù hợp với sự phát triển.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

Xây dựng hệ thống thủy lợi đa mục tiêu phù hợp với phương án phân vùng, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch vùng, quy hoạch thủy lợi có liên quan. Củng cố hệ thống thủy lợi bảo đảm kiểm soát lũ, phòng chống hạn mặn và vận hành linh hoạt để ổn định sản xuất và phòng, chống thiên tai. Phân vùng thủy lợi được phân thành 07 vùng như sau: vùng I (vùng Bắc Cái Sắn), vùng II (vùng Cái Sắn - Thốt Nốt), vùng III (vùng Thốt Nốt - Ô Môn), vùng IV

(vùng Ô Môn - Xà No), vùng V (vùng Bình Thủy - Ninh Kiều), vùng VI (vùng Nam Cái Răng), vùng VII - khu vực các cù lao (Tân Lộc, Cồn Sơn).

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Xây dựng phát triển mạng lưới cấp nước của thành phố bảo đảm đáp ứng các nhu cầu cấp nước sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất công nghiệp và các dịch vụ khác theo tiêu chuẩn. Định hướng xây dựng các hồ trữ nước tại các quận, huyện bảo đảm trữ nước, phân bổ và tiêu thoát nước.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước

- Xây dựng các hố tách nước thải và các tuyến cống bao thu gom nước thải tại các cửa xả ra sông Hậu, sông Cần Thơ, các kênh rạch trong lưu vực; cải tạo, bổ sung các tuyến cống nước thải; xây dựng các tuyến cống bao và các trạm bơm tăng áp để đưa nước thải sinh hoạt về các nhà máy xử lý nước thải. Nước thải sản xuất khu công nghiệp được thu gom theo hệ thống riêng hoàn toàn và xử lý tập trung tại khu công nghiệp trước khi xả thải đạt chuẩn ra môi trường.

- Xây dựng hệ thống chống ngập, thoát nước đồng bộ, phù hợp với điều kiện tự nhiên và từng lưu vực thoát nước. Tận dụng tối đa hệ thống sông, kênh, rạch để thoát nước mưa, áp dụng mô hình thoát nước bền vững, tăng cường thấm tự nhiên, tận dụng các công trình công cộng để chứa nước tạm thời.

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải

Theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thành phố Cần Thơ không có quy hoạch khu xử lý chất thải nguy hại.

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Đầu tư thêm nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt mới tại huyện Thới Lai với công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường.

- Đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển, điểm tập kết rác thải sinh hoạt theo quy định và phù hợp với điều kiện trên địa bàn quận, huyện, thị xã.

- Xử lý triệt để các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không còn hoạt động đảm bảo hợp vệ sinh và thực hiện lộ trình đóng cửa theo quy định.

b) Chất thải rắn công nghiệp: Đầu tư mới nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại huyện Thới Lai.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

6. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn cứu hộ

a) Quy hoạch, bố trí vị trí đất, xây dựng trụ sở đảm bảo đủ diện tích làm việc, sinh hoạt, huấn luyện. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng phòng cháy chữa cháy, ưu tiên các lực lượng phòng cháy chữa cháy ở cơ sở của 09 quận, huyện, thị xã, 04 đội phòng cháy chữa cháy khu vực và 01 Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

b) Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật (Hệ thống đường giao thông, bến lấy nước, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc và các hệ thống khác có liên quan) phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức đáp ứng cho lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ triển khai phương án.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe

a) Đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển nguồn nhân lực cho các cơ sở y tế trong thành phố theo hướng nâng cao năng lực của hệ thống, chất lượng dịch vụ và phát triển chuyên sâu các chuyên ngành. Phát triển cụm ngành y tế theo định hướng trở thành trung tâm y tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thành lập Trung tâm điều hành cấp cứu 115 và mạng lưới cấp cứu vệ tinh, Trung tâm điều trị Bệnh nhiệt đới, Trung tâm ghép tủy, nâng cấp sân vận động Cần Thơ thành khu liên hợp dịch vụ, y tế - thể thao cấp thành phố; nâng cấp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ (CDC).

Đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư, hình thành hệ thống y tế tư nhân chất lượng cao, phục vụ nhu cầu khám, điều trị bệnh của người dân thành phố, vùng và quốc tế.

b) Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ y tế gắn liền với các cụm dân cư tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

a) Kêu gọi đầu tư xã hội hóa giáo dục các trường có nhiều cấp học, chú trọng phát triển, mở rộng trường quốc tế đạt chất lượng cao đáp ứng nhu cầu học tập của mọi đối tượng, kể cả người nước ngoài đang sinh sống tại Cần Thơ.

b) Phát triển quy mô, mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đáp ứng chỉ tiêu phát triển giáo dục của từng cấp học và nhu cầu đến trường của học sinh địa bàn các quận, huyện.

c) Khối giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: mở rộng và nâng cao chất lượng các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề. Phát triển các trung tâm giáo dục thường xuyên theo hướng hợp nhất với trung tâm dạy nghề của các quận, huyện trở thành Trung tâm giáo dục thường xuyên - dạy nghề và giới thiệu việc làm, củng cố và hoàn thiện các trung tâm văn hóa học tập cộng đồng.

d) Đại học và sau đại học: mở rộng quy mô đào tạo và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng các trường đại học trên địa bàn đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với các viện, trường trong nước và quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội

a) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường cao đẳng, trung cấp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp thành phố. Xã hội hóa thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập tại những quận, huyện có nhu cầu. Hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho thị trường lao động trong và ngoài địa bàn thành phố.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách và đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực để chăm lo cho người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội; bảo đảm các quyền trẻ em và tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện; quan tâm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người già neo đơn. Nâng cao mức sống người dân, bảo đảm giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực

Nâng cấp và di dời các cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp với tình hình thực tế. Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tại huyện Cờ Đỏ và Trung tâm Điều dưỡng Người có công thành phố Cần Thơ tại huyện Phong Điền. Đẩy mạnh phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao

a) Văn hóa

- Xây dựng Cần Thơ thành đô thị văn hóa, nghệ thuật, thành phố sáng tạo, với những không gian công cộng, hoạt động văn hóa, nghệ thuật cộng đồng, làm tăng giá trị môi trường đô thị, chất lượng sống.

- Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa đáp ứng được yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của Cần Thơ theo từng giai đoạn phân kỳ, đồng bộ với chiến lược phát triển hạ tầng du lịch.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể, các làng nghề, danh lam thắng cảnh, lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch và mục tiêu gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng của "cốt cách con người xứ Tây Đô".

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa các cấp, bảo đảm về quy mô, chất lượng đáp ứng hiệu quả các hoạt động theo chức năng; nâng cấp, hoàn thiện một số thiết chế văn hóa của thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

b) Thể thao

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tập luyện thi đấu và tổ chức các phong trào thể dục thể thao. Đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực thể thao; đa dạng hóa các công trình thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện của nhân dân phù hợp với từng phân kỳ đầu tư phát triển.

- Hình thành các tổ hợp (thương mại, thể thao - vui chơi giải trí) phục vụ thể thao, dịch vụ và du lịch trên địa bàn thành phố, định hướng phục vụ nhu cầu cấp vùng và quốc tế.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

5. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ

a) Tập trung thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, xây dựng hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, các cửa hàng tiện lợi; xây dựng chợ đầu mối nông, thủy sản đồng bằng sông Cửu Long, các trung tâm logistics và trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế cấp vùng.

b) Phát triển các tuyến du lịch liên tỉnh, gắn với hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng của thành phố mang đậm bản sắc văn hóa sông nước

vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hình thành các khu vui chơi, giải trí, thu hút đầu tư hệ thống cơ sở dịch vụ chất lượng cao, an toàn, văn minh, hiện đại.

6. Phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học, công nghệ

a) Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị song song với việc phát triển các đơn vị, tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố bảo đảm đồng bộ, hiện đại để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, tận dụng hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

b) Phát triển nguồn nhân lực có trình độ và năng lực sáng tạo, đổi mới cao; xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tại thành phố Cần Thơ kết nối Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia; định hướng hình thành Trung tâm kiểm định đo lường chất lượng cấp vùng tại thành phố Cần Thơ.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

VIII. PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

2. Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất phát triển hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương để triển khai các phương án phát triển theo không gian, lãnh thổ và các công trình, dự án hạ tầng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 phân bổ cho thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong Quy hoạch thành phố Cần Thơ để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng bảo vệ của thành phố Cần Thơ theo 03 vùng để làm cơ sở triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: toàn quận Ninh Kiều và các khu dân cư tập trung ở đô thị của các quận: Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu vực bảo vệ của di tích lịch sử văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải: khu dân cư tập trung ở đô thị các trung tâm huyện, xã; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Các vùng bảo vệ khác: các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện hữu, cụm cảng; các vùng còn lại trên địa bàn thành phố quản lý.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bảo tồn và phát huy các giá trị đặc biệt về thiên nhiên, đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái trên địa bàn thành phố nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học.

- Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; phát triển nghiên cứu khoa học phục vụ bảo tồn, gìn giữ, đa dạng sinh học, phục hồi cảnh quan bị suy thoái. Khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và nguồn lợi thủy sản.

- Duy trì và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài và nguồn gen được bảo tồn. Phát triển hoạt động du lịch sinh thái và giáo dục môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

c) Bảo vệ môi trường tại các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

- Tại các khu xử lý chất thải được bố trí bảo đảm khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo các quy chuẩn hiện hành; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, sử dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại.

- Tại các nghĩa trang: phù hợp với quy hoạch, có vị trí, khoảng cách đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư, không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.

d) Phát triển mạng lưới quan trắc

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường, đầu tư hạ tầng trang thiết bị về quan trắc môi trường tự động và liên tục; phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

a) Thành phố Cần Thơ không có các loại khoáng sản thuộc đối tượng thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cấp quốc gia.

b) Đối với loại khoáng sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố:

- Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản dựa trên quan điểm phát triển bền vững, thực hiện theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở dự báo nhu cầu, tiếp tục khai thác hai mỏ cát hiện hữu tại khu vực Trường Thọ và khu vực Thới An đến khi hết thời hạn cấp phép sẽ thực hiện đóng cửa mỏ theo quy định. Thực hiện thủ tục cấp phép đối với hai mỏ cát Tân Lộc và Phước Lộc thuộc quận Thốt Nốt (đúng theo quy định của pháp luật) và triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản các khu vực mỏ: Phước Lộc 2 thuộc phường Tân Lộc quận Thốt Nốt; Trà Nóc thuộc phường Trà Nóc quận Bình Thủy và phường Phước Thới quận Ô Môn; Phú Thứ - Tân Phú thuộc phường Phú Thứ và phường Tân Phú quận Cái Răng; Tân Phú thuộc phường Tân Phú quận Cái Răng.

- Thành phố Cần Thơ đã khoanh định các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, không tập trung tại các quận, huyện. Trong quá trình triển khai thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tiễn, các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm

thời cấm hoạt động khoáng sản có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước gồm 7 vùng:

- Vùng I (vùng Bắc Cái Sắn) là khu vực kiểm soát lũ để sản xuất lúa.

- Vùng II (vùng Cái Sắn - Thốt Nốt) là khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Vùng III (vùng Thốt Nốt - Ô Môn) là khu vực cây ăn trái chuyên canh.

- Vùng IV (vùng Ô Môn - Xà No) là khu vực lấy nước lũ và phù sa vào đồng ruộng, giải quyết vấn đề thoái hóa đất và ô nhiễm môi trường.

- Vùng V (vùng Bình Thủy - Ninh Kiều) và Vùng VI (vùng Nam Cái Răng) là khu vực các đô thị, cụm dân cư được kiểm soát ngập (do triều cường và mưa) bằng hệ thống vận hành ô bao (polder system) và san nền.

- Vùng VII là vùng Cù Lao.

b) Bảo vệ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt

- Chủ động xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; vận hành các hệ thống công trình thủy lợi hợp lý, tăng khả năng trữ nước trên hệ thống kênh nội đồng bảo đảm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, bảo vệ nguồn nước trong mùa lũ, ứng phó hiệu quả với các thảm họa, thiên tai liên quan đến nước.

- Nâng cao năng lực điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất, hạn chế mở rộng khai thác nước dưới đất, ưu tiên khai thác nước dưới đất cho mục đích sinh hoạt và trong tình trạng tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Khoanh định, thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khoan, thăm dò, khai thác nước dưới đất trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hạn chế khai thác nước dưới đất.

c) Phân bổ tài nguyên nước

Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng sử dụng nước trong kỳ quy hoạch, được sắp xếp từ cao đến thấp.

- Trong điều kiện bình thường, nguồn nước đủ đáp ứng phân bổ bảo đảm 100% nhu cầu sử dụng nước; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước, nguồn nước được phân bổ đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt, lượng nước còn lại sẽ được phân bổ cho các mục đích sử dụng còn lại theo tỷ lệ phù hợp và phụ thuộc vào phân vùng cấp nước.

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng kế hoạch quan trắc, dự báo, cảnh báo kịp thời triều cường, nước biển dâng trong phạm vi của thành phố; bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống sạt lở bờ sông, xâm nhập mặn; củng cố hệ thống đê sông, cống ngăn, giữ ngọt, bảo vệ; rà soát những diện tích có khả năng thiếu nước để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

- Phân vùng rủi ro thiên tai với ngập lụt: các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai chiếm diện tích lớn và trải dài trên các quận, huyện. Những khu vực có nguy cơ ngập lụt phần lớn nằm phía Nam bao gồm các quận trung tâm của thành phố (Ninh Kiều, Cái Răng, Bình Thủy).

- Phân vùng rủi ro thiên tai với xâm nhập mặn: khu vực các quận, huyện ven sông Hậu có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn như: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt và Phong Điền.

- Phân vùng rủi ro thiên tai với mức độ sạt lở: chủ yếu dọc theo hệ thống sông, rạch trên địa bàn thành phố.

b) Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Đầu tư xây dựng mới, duy tu, sửa chữa các công trình phòng, chống thiên tai; ưu tiên hệ thống đê, kè, cống đầu mối; bố trí dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở; tăng cường năng lực quan trắc khí tượng thủy văn, thiết lập các trạm đo tự động trên các lưu vực sông.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống thiên tai; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng và kịp thời cho công tác dự báo, cảnh báo; tổ chức thường xuyên diễn tập phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Các chương trình, dự án và thứ tự ưu tiên trong từng ngành, lĩnh vực đảm bảo phù hợp với quan điểm, các đột phá phát triển và định hướng phát triển của các ngành quan trọng, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư theo từng thời kỳ; ưu tiên các dự án liên vùng, liên quận huyện, dự án then chốt, đột phá, lan tỏa; phát triển kinh tế xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư từ bên ngoài các nguồn lực trong và ngoài nước.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV kèm theo)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động, sử dụng vốn đầu tư

a) Huy động đủ nguồn vốn đáp ứng yêu cầu thực hiện quy hoạch thông qua nghiên cứu và triển khai giải pháp cụ thể đối với từng nguồn vốn, định hướng sử dụng nguồn vốn, nâng cao hiệu quả đầu tư.

b) Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Cải thiện hiệu quả quản lý và điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công, tập trung vào những dự án trọng tâm, trọng điểm, nâng cao tỷ lệ giải ngân, đồng thời đáp ứng tiến độ và chất lượng công trình; ưu tiên tối ưu về bố trí các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn vốn ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng của thành phố theo phương châm "lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư".

c) Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Tăng cường tận dụng, huy động nguồn vốn từ nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài thông qua xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, tạo ra môi trường thích hợp để hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp khác; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của thành phố, đẩy mạnh cải cách hành chính, giải phóng mặt bằng và xúc tiến đầu tư.

d) Tăng cường vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ thông qua tích cực kết nối, liên hệ với các tổ chức phi chính phủ; xây dựng danh mục chương

trình, dự án kêu gọi viện trợ phi chính phủ nước ngoài; đảm bảo tiến độ, hiệu quả của các chương trình, dự án đầu tư từ nguồn vốn của các tổ chức phi chính phủ; thực hiện công tác giám sát và triển khai hoạt động của các dự án và khoản viện trợ phi dự án trên địa bàn thành phố theo đúng quy định.

đ) Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; huy động nguồn lực thực hiện xã hội hóa đầu tư các ngành, lĩnh vực theo quy định; tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2. Giải pháp về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các cấp học, bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề. Có cơ chế, chính sách hợp lý, đồng bộ để thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường hợp tác với các tổ chức đào tạo quốc tế. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa môi trường làm việc với thực tiễn nền kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ. Các điểm trường thuộc các bậc học trên địa bàn thành phố đáp ứng nhu cầu đào tạo theo chỉ tiêu phát triển giáo dục các cấp của ngành.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền và bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên đối với tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn. Tích cực hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế về bảo vệ môi trường. Chú trọng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về môi trường. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Hoàn thiện hệ thống thể chế liên quan bảo vệ môi trường.

4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hỗ trợ cho việc phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và công nghệ cao, gắn kết giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo. Tạo các điều kiện thuận lợi cho phát triển khoa học, công nghệ dựa trên đầu tư cơ sở hạ tầng và phát triển vốn, nhân lực trình độ cao và cơ chế khuyến khích hoạt động nghiên cứu. Mở rộng hoạt động hợp tác, liên kết giữa Cần Thơ với các địa phương khác.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

a) Liên kết, hợp tác quốc tế: Cần Thơ có vai trò quan trọng trong việc là cầu nối của toàn khu vực với quốc tế.

b) Liên kết vùng: Với vị thế là trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, Cần Thơ phối hợp chặt chẽ với các địa phương khác trong khu vực, đổi mới mô hình phát triển thành sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, tạo liên kết để tạo sức mạnh, động lực phát triển bền vững và thịnh vượng.

c) Liên kết trên phạm vi cả nước: Thúc đẩy hợp tác với các thành phố trực thuộc Trung ương khác. Với các địa phương vùng Bắc Trung Bộ, tăng cường liên kết trong các lĩnh vực kết cấu hạ tầng, chủ động xúc tiến thương mại đầu tư, tiến hành xây dựng các tuyến du lịch liên tỉnh, phát triển y tế, khoa học liên kết với các bệnh viện hàng đầu.

6. Giải pháp về quản lý đầu tư, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Nâng cao chất lượng quản lý quy hoạch xây dựng và trật tự xây dựng; sử dụng hiệu quả nguồn lực quỹ đất. Lập kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư, khai thác đồng bộ.

7. Giải pháp về nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

a) Nhóm giải pháp về lập quy hoạch

- Tổ chức công bố, công khai quy hoạch theo quy định. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm.

- Tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật.

- Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung để cụ thể hóa các nội dung trong quy hoạch thành phố thành kế hoạch 05 năm và hàng năm nhằm đảm bảo thống nhất giữa các cấp chính quyền; định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

b) Nhóm giải pháp về tuyên truyền: Nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và các cấp chính quyền về kế hoạch tổng thể, cho phép người dân tham gia góp ý để tìm ra cách thức đưa ra giải pháp cho phù hợp.

c) Nhóm giải pháp về thực hiện quy hoạch: Huy động sự tham gia từ nhiều đối tượng khác nhau. Chuẩn bị và đào tạo nguồn lực, đặc biệt huy động nguồn lực ngoài công lập để đảm bảo các chương trình an sinh xã hội được thực hiện theo kế hoạch.

8. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

a) Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có tính chất chuyên ngành khác, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch thành phố Cần Thơ.

b) Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

c) Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới phù hợp đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch.

XII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XXV (kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện quản lý Quy hoạch thành phố Cần Thơ; hướng dẫn, phân công, phân cấp, điều phối, kiểm soát và bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy trình, thủ tục, quy định trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và thực hiện Quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thành phố Cần Thơ; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch và rà soát điều chỉnh Quy hoạch theo quy định của pháp luật.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện điều chỉnh Quy hoạch trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

g) Đối với các dự án dự kiến đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thực hiện thì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và danh mục dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời người quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, yêu cầu thực tiễn phát triển của thành phố và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Đối với các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định hiện hành.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến thẩm định, rà soát, tham gia góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; các phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại công văn số 4870/UBND-TH ngày 25 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ trong quá trình thực hiện Quy hoạch; phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của Quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HỆ THỐNG CAO TỐC, QUỐC LỘ, ĐƯỜNG LIÊN TỈNH, ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG VÀNH ĐAI THÀNH PHỐ VÀ ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH ĐÔ THỊ

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
I	**Đường liên tỉnh**			
1	Cầu Ô Môn	Tỉnh Đồng Tháp	Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	4 - 6 làn xe
2	Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	Kết nối đường dẫn Cầu Ô Môn (quận Ô Môn)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III - II, 4 - 6 làn xe và xây dựng đường gom 2 bên, lộ giới 80 m
II	**Đường tỉnh**			
1	Đường tỉnh 917	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy)	Giao với quốc lộ 91B (quận Bình Thủy)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 34 m
2	Đường tỉnh 917B	Giao với đường tỉnh 917C (quận Ô Môn)	Nút giao kết nối liên thông với đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (huyện Thới Lai)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 50 m
3	Đường tỉnh 917C	Giao với đường tỉnh 920 (quận Ô Môn)	Giao với đường tỉnh 923 (huyện Phong Điền)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 80 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
4	Đường tỉnh 918	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy)	Giao với đường tỉnh 918B (huyện Phong Điền)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
5	Đường tỉnh 918B	Giao với đường Võ Văn Kiệt (quận Bình Thủy)	Ranh giới thành phố Cần Thơ (huyện Phong Điền) và tỉnh Hậu Giang	Đường trục chính đô thị, lộ giới 50 m
6	Đường tỉnh 919	Giao quốc lộ 80 (huyện Vĩnh Thạnh)	Ranh giới tỉnh Hậu Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III - II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
7	Đường tỉnh 920	Cầu Rạch Chôm (quận Ô Môn)	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
8	Đường tỉnh 920	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy) trên tuyến có đoạn đi trong khu công nghiệp Trà Nóc	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m, riêng đoạn đi trong khu công nghiệp lộ giới lấy theo mặt cắt ngang theo quy hoạch của khu công nghiệp
9	Đường tỉnh 920C	Giao với quốc lộ 91 (quận Ô Môn)	Giao với đường tỉnh 920 hiện hữu (quận Ô Môn)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
10	Đường tỉnh 920D	Giao với quốc lộ 91 và đường Đặng Thanh Sử (quận Ô Môn)	Giao với quốc lộ 91 và đường dẫn vào cầu Tân Lộc (quận Thốt Nốt)	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
11	Đường tỉnh 921	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Cờ Đỏ)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
12	Đường tỉnh 921E	Giao với tuyến tránh Thốt Nốt (quận Thốt Nốt)	Giao với đường tỉnh 916 (huyện Cờ Đỏ)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
13	Đường tỉnh 922	Giao với quốc lộ 91 (quận Ô Môn)	Huyện Thới Lai	Đường trục chính đô thị, lộ giới 42 m
14	Đường tỉnh 922C	Giao với quốc lộ 91B (quận Bình Thủy)	Huyện Cờ Đỏ	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
15	Đường tỉnh 923	Giao với đường 3 tháng 2 (quận Ninh Kiều)	Giao với quốc lộ 91 (quận Ô Môn)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
16	Đường tỉnh 926	Cầu Tây Đô (huyện Phong Điền)	Ranh giới tỉnh Hậu Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Phong Điền)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
17	Đường tỉnh 932	Giao với đường dẫn cầu Vàm Xáng, huyện Phong Điền	Ranh giới tỉnh Hậu Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Phong Điền)	II, 4 - 6 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
18	Đường tỉnh 916	Ranh giới tỉnh An Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Vĩnh Thạnh)	Giao với đường tỉnh 919 (huyện Cờ Đỏ)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
19	Đường tỉnh 919B	Giao với quốc lộ 80 (huyện Vĩnh Thạnh)	Giao đường tỉnh 926 (tỉnh Hậu Giang)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
20	Đường tỉnh 921B	Giao với quốc lộ 91, (quận Thốt Nốt)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Vĩnh Thạnh)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
21	Đường tỉnh 921C	Huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
22	Đường tỉnh 921D	Giao với quốc lộ 91 (quận Thốt Nốt)	Giao với đường tỉnh 919B (huyện Cờ Đỏ)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
23	Đường tỉnh 922B	Giao với quốc lộ 91, (quận Ô Môn)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
24	Đường tỉnh 922D	Giao đường tỉnh 922, (huyện Thới Lai)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
25	Đường tỉnh 922E	Giao với đường tỉnh 922 (huyện Thới Lai)	Ranh giới tỉnh Kiên Giang - thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai)	III, 2 - 4 làn xe; các đoạn qua đô thị lộ giới 42 m
III	**Đường vành đai thành phố, đường trục chính đô thị**			
1	Đường vành đai phía Tây thành phố (Đường vành đai 1)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 80 m
2	Đường Hẻm 91	Giao với quốc lộ 91 (quận Bình Thủy)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 40 m

STT	Tên công trình	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp quy hoạch, số làn, lộ giới)
3	Trục đường đô thị 1A (trùng với hướng tuyến đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và đường sắt TP. Hồ Chí Minh - Cần Thơ)	Khu công nghiệp Hưng Phú 1 (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 105 m
4	Đường nối đường Võ Nguyên Giáp - đường Vành đai phía Tây - Đường tỉnh 925 (tỉnh Hậu Giang)	Giao với đường Võ Nguyên Giáp (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 40 m
5	Đường Trần Hoàng Na	Giao với quốc lộ 91B (quận Bình Thủy)		Đường trục chính đô thị, lộ giới từ 20 m - 28 m - 40 m
6	Đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)	Giao với quốc lộ 80 (huyện Vĩnh Thạnh)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 80 m
7	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài (đoạn Mỹ Khánh - Phong Điền - Tân Thới)	Nối tiếp đường Nguyễn Văn Cừ hiện hữu (huyện Phong Điền)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 34 m
8	Đường Phạm Hùng	Cầu Cái Răng (quận Cái Răng)		Đường trục chính đô thị, lộ giới 40 m

B. CÔNG TRÌNH NÚT GIAO THÔNG, CẦU, HẦM QUY MÔ LỚN, TRỌNG ĐIỂM

STT	Tên nút giao thông	Quy mô dự kiến
I	**Nút giao đường tỉnh với đường cao tốc**	
1	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Tuyến quốc lộ 91 tránh Long Xuyên	Khác mức liên thông
2	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và đường tỉnh 919	Khác mức liên thông
3	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và đường vành đai phía Tây (QL91 - Lộ Tẻ - Rạch Sỏi - QL80)	Khác mức liên thông
4	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)	Khác mức liên thông
5	Nút giao giữa Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Khác mức liên thông
6	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Cao tốc Lộ Tẻ Rạch Sỏi	Khác mức liên thông
7	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và đường tỉnh 921E	Khác mức liên thông
8	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	Khác mức liên thông
9	Nút giao giữa Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng và đường tỉnh 917B	Khác mức liên thông
10	Nút giao giữa Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và đường vành đai phía Tây thành phố (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến quốc lộ 61C)	Khác mức liên thông
II	**Kết nối liên thông với các quốc lộ, đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị**	
1	Các nút giao trọng điểm trên địa bàn quận Ninh Kiều	Khác mức liên thông
2	Nút giao giữa quốc lộ 1 và đường Võ Nguyên Giáp IC3	Khác mức liên thông

STT	Tên nút giao thông	Quy mô dự kiến
3	Nút giao IC4 của quốc lộ 1	Khác mức liên thông
4	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và quốc lộ 61C	Khác mức liên thông
5	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
6	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 918B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
7	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 917C	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
8	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và đường tỉnh 917B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
9	Nút giao giữa đường vành đai phía Tây và Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	Khác mức liên thông
10	Nút giao giữa Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang) và đường tỉnh 920D	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
11	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và đường Võ Văn Kiệt	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
12	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và quốc lộ 91B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
13	Nút giao giữa đường Hẻm 91 và đường vành đai phía Tây	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
14	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và quốc lộ 91B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
15	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và đường tỉnh 923	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
16	Nút giao giữa đường tỉnh 918 mới và đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2)	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
17	Nút giao giữa đường tỉnh 917B và quốc lộ 91B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
18	Nút giao giữa đường nối quốc lộ 80 đến đường tỉnh 923 (đường vành đai 2) và quốc lộ 61C	Đồng mức hoặc khác mức liên thông

STT	Tên nút giao thông	Quy mô dự kiến
19	Nút giao giữa đường vành đai 2 và đường tỉnh 917B	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
20	Nút giao giữa đường vành đai 2 và tuyến Đồng Tháp - Cần Thơ - Kiên Giang	Đồng mức hoặc khác mức liên thông
III	**Công trình cầu, hầm quy mô lớn, trọng điểm**	
1	Cầu Ô Môn (bắc qua sông Hậu kết nối Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang)	4 - 6 làn xe
2	Cầu Cần Thơ 2 (bắc qua sông Hậu kết nối đường bộ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ và đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau)	4 - 6 làn xe
3	Cầu đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ (bắc qua sông Hậu kết nối đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ)	Đường đôi, khổ 1435 mm
4	Cầu hoặc hầm Xóm Chài (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đến khu vực Xóm Chài quận Cái Răng)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
5	Cầu kết nối cồn Cái Khế quận Ninh Kiều và cồn Ấu quận Cái Răng (bắc qua sông Cần Thơ kết nối đến Cồn Ấu)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
6	Cầu kết nối đường Trần Phú và Cồn Khương, quận Ninh Kiều (bắc qua rạch Khai Luông, kết nối đến Cồn Khương)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
7	Cầu hoặc hầm vượt sông kết nối từ đường Mậu Thân (cặp bên chợ Xuân Khánh) quận Ninh Kiều, bắc qua sông Cần Thơ	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
8	Cầu nối từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến Cồn Khương, quận Bình Thủy (bắc qua rạch Khai Luông kết nối đến khu đô thị mới Cồn Khương thuộc phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy)	4 - 6 làn xe, hoặc theo mặt cắt đường đô thị
9	Cầu qua cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt (bắc qua sông Hậu kết nối đến cù lao Tân Lộc thuộc phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt)	4 - 6 làn xe

STT	Tên nút giao thông	Quy mô dự kiến
10	Cầu Cái Răng đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ kết nối đường Phạm Hùng với Đường 3/2 và Đường 30/4, phục vụ kết nối dải trung tâm đô thị mới, thương mại, dịch vụ Cái Răng với trung tâm đô thị hiện hữu quận Ninh Kiều)	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên
11	Cầu Hưng Lợi đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Nguyễn Văn Linh - quốc lộ 91B)	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên
12	Cầu Trần Hoàng Na đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Trần Hoàng Na nối dài)	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên
13	Cầu Ba Láng đơn nguyên 2: bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường vành đai phía tây và quốc lộ 61C	Đạt từ 02 - 04 đơn nguyên

C. DANH MỤC CÔNG TRÌNH BẾN XE KHÁCH, BẾN, BÃI ĐỖ XE VÀ GIAO THÔNG THÔNG MINH

STT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
I	**Bến xe khách**	
1	Bến xe khách Cờ Đỏ	Giai đoạn trước năm 2030 xây dựng Bến xe khách loại 4 diện tích khoảng 1 ha, sau năm 2030 mở rộng, nâng cấp thành Bến xe khách loại 1 kết hợp bãi đỗ xe hàng diện tích khoảng 10 ha tại huyện Cờ Đỏ
2	Bến xe khách phía Tây thành phố Cần Thơ	Bến xe khách loại 1 kết hợp bãi đỗ xe hàng diện tích khoảng 10 ha, tại huyện Vĩnh Thạnh
II	**Bãi đỗ xe công cộng lớn**	
1	Các bãi đỗ xe công cộng lớn theo hình thức cao tầng, ngầm hoặc trên mặt đất	Quy mô diện tích khoảng từ 0,5 ha đến 5 ha tại quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh
2	Các bãi đỗ xe buýt	Quy mô diện tích khoảng từ 0,5 ha đến 5 ha tại quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh

STT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
III	**Giao thông thông minh**	
1	Trung tâm quản lý giao thông đô thị	Quy mô diện tích khoảng từ 1 ha đến 2 ha.
2	Hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh	Quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh

Ghi chú:

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.

Phụ lục II

DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Tên đường thủy nội địa	Phạm vi trên địa phận thành phố Cần Thơ	Chiều dài dự kiến (km)	Cấp kỹ thuật quy hoạch dự kiến
	Các tuyến lớn, trọng điểm do cấp thành phố quản lý			
1	Sông Ba Láng	Điểm đầu tại sông Cần Thơ (Vàm Ba Láng), điểm cuối tại kênh Trầu Hôi (quận Cái Răng)	3	IV
2	Rạch Phong Điền (sông Cần Thơ)	Điểm đầu từ ngã ba Vàm Xáng, điểm cuối tại rạch Cầu Nhiếm	6	IV
3	Rạch Cầu Nhiếm	Điểm đầu tại ngã 3 rạch Cầu Nhiếm (huyện Phong Điền), điểm cuối tại thị trấn Thới Lai	14	V
4	Sông Trà Nóc	Điểm đầu tại sông Hậu (quận Bình Thủy), điểm cuối tại sông Cần Thơ (quận Ô Môn)	9	V
5	Kênh Thốt Nốt	Điểm đầu tại sông Hậu (quận Thốt Nốt), điểm cuối tại kênh ranh Hạt Kiên Giang	28	III
6	Kênh Xáng Ô Môn (kênh Bà Đầm)	Điểm đầu tại sông Ô Môn (huyện Thới Lai), điểm cuối tại kênh ranh Hạt Kiên Giang	14	V
7	Kênh KH8	Điểm đầu tại sông Cần Thơ, điểm cuối tại ranh tỉnh Kiên Giang	22	VI

STT	Tên đường thủy nội địa	Phạm vi trên địa phận thành phố Cần Thơ	Chiều dài dự kiến (km)	Cấp kỹ thuật quy hoạch dự kiến
8	Kênh Bốn Tổng	Điểm đầu tại kênh Cái Sắn, điểm cuối tại kênh Thốt Nốt	15	VI
9	Kênh Đứng	Điểm đầu tại sông Ô Môn, điểm cuối tại kênh Thốt Nốt	14	V
10	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa lớn quan trọng của thành phố và nạo vét, duy tu, mở rộng các tuyến đường thủy nội địa còn lại để tăng cường vai trò vận tải thủy trên địa bàn các quận, huyện			

Ghi chú: Các tuyến đường thủy nội địa do Trung ương quản lý thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

B. CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

STT	Tên công trình	Vị trí dự kiến
I	**Hệ thống cảng thủy nội địa hàng hóa lớn, trọng điểm**	
1	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên sông Hậu	Quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt
2	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Xà No	Huyện Phong Điền
3	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Cái Sắn (kênh Rạch Sỏi Hậu Giang)	Quận Thốt Nốt, huyện Vĩnh Thạnh
4	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Sông Ô Môn (sông Ô Môn)	Quận Ô Môn, huyện Thới Lai
5	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Thị Đội - Ô Môn	Huyện Thới Lai
6	Cụm cảng thủy nội địa hàng hóa trên Kênh Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt, huyện Cờ Đỏ

STT	Tên công trình	Vị trí dự kiến
II	**Cảng thủy nội địa hành khách lớn, trọng điểm**	
	Các cảng thủy nội địa hành khách trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác	Quận Ninh Kiều, quận Cái Răng, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền
III	**Các tuyến buýt đường thủy**	
	Cụm cảng, bến, các điểm dừng đón trả khách của các tuyến buýt đường thủy trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác	Quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt, huyện Phong Điền, huyện Thới Lai, huyện Cờ Đỏ, huyện Vĩnh Thạnh

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án bến, cảng thủy nội địa trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Phụ lục III

DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG HÀNG HẢI THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. LUỒNG TÀU BIỂN

STT	Tên luồng	Cấp kỹ thuật dự kiến
1	Luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu (kênh Quan Chánh Bố)	Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Luồng hàng hải Định An - Cần Thơ	Bảo đảm chuẩn tắc luồng hàng hải cho tàu có trọng tải từ 10.000 tấn trở lên ra vào các cảng biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ

B. CẢNG BIỂN CẦN THƠ

STT	Tên Cảng biển	Chức năng	Cỡ tàu dự kiến
1	Khu bến Cái Cui	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long kết hợp tiếp chuyển hàng cho Vương quốc Cam pu chia theo tuyến sông Hậu; có bến tổng hợp, container	Trọng tải đến 20.000 tấn
2	Khu bến Hoàng Diệu, Bình Thủy	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ và vùng phụ cận; có bến tổng hợp, container, hàng lỏng/khí	Trọng tải đến 20.000 tấn
3	Khu bến Trà Nóc, Ô Môn	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ; có các bến tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí	Trọng tải đến 20.000 tấn
4	Bến cảng Thốt Nốt	Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ; có bến tổng hợp, container	Trọng tải đến 20.000 tấn

STT	Tên Cảng biển	Chức năng	Cỡ tàu dự kiến
5	Bến cảng khách quốc tế Cần Thơ	Phục vụ tuyến khách quốc tế, tuyến từ bờ ra đảo, tuyến du lịch nội địa, tuyến buýt đường thủy, du thuyền, nhà hàng nổi; kết hợp với khai thác các tàu chở hàng sạch bảo đảm vệ sinh môi trường	Tàu khách đến 20.000 GT, tàu tổng hợp hàng hóa đến 10.000 tấn

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án cầu cảng, bến cảng biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

C. TRUNG TÂM LOGISTICS TẠI CÁC CẢNG BIỂN

STT	Trung tâm Logistics	Quy mô, vị trí dự kiến
1	Trung tâm logistics tại cảng Cái Cui	Quy mô diện tích khoảng 100 ha tại quận Cái Răng
2	Trung tâm logistics tại bến cảng Thốt Nốt	Quy mô diện tích khoảng 40 ha, tại quận Thốt Nốt. Tùy theo tình hình xây dựng phát triển và nhu cầu thông quan hàng hóa, dự kiến mở rộng quy mô diện tích khoảng 100 ha trở lên, tại quận Thốt Nốt và huyện Vĩnh Thạnh

Ghi chú: Quy mô, diện tích đất sử dụng các trung tâm logistics được xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư.

D. HỆ THỐNG CẢNG CẠN

STT	Quy mô, vị trí dự kiến
	Quy hoạch cảng cạn tiềm năng tại các khu công nghiệp Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh, khu công nghiệp Cờ Đỏ - Thới Lai và các khu công nghiệp khác trên địa bàn thành phố, kết nối với các tuyến cao tốc, quốc lộ và cảng biển Cần Thơ, quy mô diện tích khoảng 15 ha trở lên

Ghi chú: Việc đầu tư các dự án cảng cạn phải phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

Phụ lục IV

DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CẦN THƠ

STT	Quy mô dự kiến
1	Giai đoạn trước năm 2030: Xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay và xây dựng các công trình thiết yếu của Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ hiện hữu diện tích khoảng 388,9 ha, công suất dự kiến 7 triệu hành khách/năm.
2	Giai đoạn sau năm 2030: Xây dựng mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ đạt tổng diện tích quy hoạch khoảng 728,9 ha, xây dựng mới thêm 01 khu hàng không dân dụng và 01 đường cất hạ cánh, công suất dự kiến 12 triệu hành khách/năm.

II. TRUNG TÂM LOGISTICS CHUYÊN DỤNG HÀNG KHÔNG

STT	Quy mô dự kiến
	Xây dựng Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không kết nối với Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, quy mô diện tích khoảng 50 ha - 100 ha tại quận Bình Thủy

III. SÂN BAY VÀ VÙNG NƯỚC TIỀM NĂNG DÀNH CHO THỦY PHI CƠ

STT	Vị trí dự kiến
	Phát triển các sân bay và vùng nước dành cho thủy phi cơ trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt.

Ghi chú: Xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay và mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục V

DANH MỤC KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

I. ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA

STT	Tên công trình	Quy mô, vị trí dự kiến
1	Tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Đoạn tuyến qua địa bàn thành phố Cần Thơ dài khoảng 8 km, tại quận Cái Răng
2	Nhà ga Cần Thơ	Diện tích khoảng 60 ha trở lên, tại quận Cái Răng
3	Quỹ đất dự kiến phát triển đô thị gắn với nhà ga, đường sắt Cần Thơ	Diện tích khoảng 1.000 ha, tại quận Cái Răng
4	Quỹ đất dự kiến phát triển logistics gắn với nhà ga Cần Thơ	Diện tích khoảng 50 ha trở lên, tại quận Cái Răng

II. ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối
1	Tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga có hướng tuyến cơ bản bám theo đường vành đai phía Tây thành phố	Quận Cái Răng	Huyện Vĩnh Thạnh
2	Tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga có hướng tuyến cơ bản bám theo quốc lộ 91	Quận Ninh Kiều	Quận Thốt Nốt
3	Tuyến đường sắt đô thị và hệ thống nhà ga có hướng tuyến cơ bản bám theo quốc lộ 91B và quốc lộ Nam Sông Hậu	Quận Cái Răng	Quận Ô Môn
4	Phát triển các tuyến xe điện đi trên mặt đất trên các tuyến đường đô thị khi đủ điều kiện cho phép	Các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt	Các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt

Ghi chú: Xây dựng kết cấu hạ tầng đường sắt trên địa bàn thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HỆ THỐNG NGUỒN ĐIỆN(1)

STT	Tên nhà máy	Vị trí dự kiến	Công suất dự kiến
I	**Các dự án trong quy hoạch Điện VIII**		
1	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I	Quận Ô Môn	660 MW
2	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn II	Quận Ô Môn	1050 MW
3	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn III	Quận Ô Môn	1050 MW
4	Nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV	Quận Ô Môn	1050 MW
5	Đường ống dẫn khí đến các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố	Các quận, huyện	
II	**Các khu vực có nguồn điện tiềm năng tái tạo và nguồn điện khác**		
6	Điện mặt trời mái nhà	Các quận, huyện	793 MW
7	Điện mặt trời mặt nước	Các quận, huyện	859 MW
8	Điện mặt trời mặt đất	Các quận, huyện	150 MW
9	Điện rác	Các quận, huyện	16,53 MW
10	Điện khí sinh học	Các quận, huyện	6,95MW
11	Dự án sản xuất hydrogen và kho cảng LNG (150ha)	Quận Ô Môn	
12	Điện mặt trời mặt đất và điện mặt trời mái nhà trong khu công nghiệp	Huyện Vĩnh Thạnh	399MWp

B. XÂY MỚI, CẢI TẠO NÂNG CẤP CÁC TRẠM BIẾN ÁP 500KV, 220KV, THỜI KỲ 2021 - 2030

TT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
1	500 kV	Trạm biến áp Thốt Nốt, xây mới	1800MVA
2	500 kV	Trạm biến áp Ô Môn, cải tạo, nâng công suất	1800MVA

TT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
3	220 kV	Trạm biến áp Cần Thơ, cải tạo, nâng công suất	500MVA
4	220 kV	Trạm biến áp Ô Môn, cải tạo, nâng công suất	500MVA
5	220 kV	Trạm biến áp Thốt Nốt, cải tạo, nâng công suất	375MVA
6	220 kV	Trạm biến áp Trà Nóc, cải tạo, nâng công suất	500MVA
7	220 kV	Trạm biến áp Vĩnh Thạnh, xây mới và đường dây đấu nối	500MVA

C. XÂY MỚI, CẢI TẠO NÂNG CẤP CÁC TRẠM BIẾN ÁP 110KV, THỜI KỲ 2021 - 2030

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
Nâng cấp			
1	110 kV	Trạm 110/22 kV Cần Thơ	(3x63) MVA
2	110 kV	Trạm 110/22 kV Hưng Phú	(2x63) MVA
3	110 kV	Trạm 110/22 kV Long Hòa	(2x63) MVA
4	110 kV	Trạm 110/22 kV Bình Thủy	(2x63) MVA
5	110 kV	Trạm 110/22 kV Khu CN Cần Thơ	(3x63) MVA
6	110 kV	Trạm 110/22 kV Thốt Nốt	(3x63) MVA
7	110 kV	Trạm 110/22 kV Thới Thuận	(2x63) MVA
8	110 kV	Trạm 110/22 kV Vĩnh Thạnh	(2x63) MVA
9	110 kV	Trạm 110/22 kV Thới Lai	(2x63) MVA
Xây mới			
1	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Phong Điền và đường dây đấu nối	40 MVA + 40 MVA
2	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Cái Răng và đường dây đấu nối	63 MVA+63 MVA
3	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Cờ Đỏ và đường dây 110kV đấu nối	40 MVA + 40 MVA
4	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Long Hưng và đường dây 110kV đấu nối	40 MVA + 40 MVA
5	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Thuận An và đường dây 110kV đấu nối	40 MVA + 40 MVA

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
6	110 kV	Trạm biến áp 110 kV Tân Phú và đường dây 110 kV đấu nối	40 MVA + 40 MVA
7	110 kV	Trạm 110 kV Phước Thới và đường dây đấu nối	40 MVA + 40 MVA
8	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T1 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
9	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T2 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
10	110kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T3 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
11	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T4 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
12	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T5 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
13	110 kV	Trạm 110 kV khu công nghiệp Vĩnh Thạnh T6 và đường dây đấu nối	2x63 MVA
14	110 kV	Trạm 110 kV Ô Môn và đường dây đấu nối	(1+1)x63 MVA
15	110 kV	Trạm 110 kV Ninh Kiều	1x63 MVA

D. XÂY DỰNG MỚI ĐƯỜNG DÂY 500KV

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
1	500 kV	Đường dây 500 kV Thốt Nốt - Đức Hòa	2x135
2	500 kV	Đường dây 500 kV Ô Môn - Thốt Nốt	2x35

E. DANH MỤC CÁC ĐƯỜNG DÂY 220 KV XÂY MỚI VÀ CẢI TẠO ĐƯA VÀO VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

STT	Loại	Tên	Số mạch x km
1	220 kV	500 kV Thốt Nốt - Lấp Vò, xây mới	2x22
2	220 kV	Sa Đéc - Rẽ Ô Môn - Vĩnh Long (mạch 2), đấu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của đường dây 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long	2x1

STT	Loại	Tên	Số mạch x km
3	220 kV	Châu Thành (Hậu Giang) - Rẽ Ô Môn - Sóc Trăng, xây mới	4x2
4	220 kV	Điện gió Long Mỹ 1 - Rẽ nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn, xây mới, đồng bộ điện gió Long Mỹ 1	2x1
5	220 kV	Long Xuyên - Rẽ nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn, xây mới, đồng bộ điện gió Long Mỹ 1 chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của đường dây 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long, Cái Răng, Ninh Kiều.	2x1

G. XÂY DỰNG MỚI ĐƯỜNG DÂY 110KV

STT	Loại	Tên	Công suất dự kiến
	110 kV	Đường dây 110 kV Trà Nóc - Bình Thủy	

Ghi chú:

- Ngoài các nội dung về hạ tầng điện đã được cập nhật vào các biểu, bảng trong phương án phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong thời gian tới, thành phố Cần Thơ tiếp tục phát triển các nguồn điện tại Trung tâm nhiệt điện Ô Môn, năng lượng hydrogen, điện mặt trời, điện sinh khối,… cập nhật vào Quy hoạch tích hợp của thành phố theo phương án phát triển điện quốc gia.

- Hạ tầng cấp điện thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và việc đầu tư, quy mô, số lượng các dự án phát triển nguồn điện, các trạm biến áp, các tuyến đường dây trên địa bàn phải phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục VII

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Quy mô dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Trung tâm bưu chính vùng	20 ha	Quận Bình Thủy
2	Trung tâm dữ liệu vùng	50 ha	Quận Cái Răng

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các công trình thông tin truyền thông sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục VIII

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO

STT	Tên dự án	Vị trí dự kiến
1	Đầu tư dự án kè chống sạt lở	Các quận, huyện
2	Đầu tư dự án Kè sông Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
3	Đầu tư dự án Kè rạch Cái Sơn - Mương Khai	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
4	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh rạch: rạch Bà Bộ, rạch Đầu Sấu, rạch Hàng Bàng và rạch nhánh Hàng Bàng, rạch Mương Củi, Xẻo Nhum, Ngã Bát và Mương Lộ (91B), rạch Ông Tà, Xẻo Lá, Cây Me, Ông Đạo, Từ Hổ, Bà Lễ, Xẻo Dớn và Rạch Sao	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
5	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 1	Các quận, huyện
6	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 2	Các quận, huyện
7	Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh cấp 3 và thủy lợi nội đồng	Các quận, huyện
8	Đầu tư hệ thống cống, trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp	Các quận, huyện
9	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái - Tuyến Ông Hào, Trà Ếch xã Trường Long, huyện Phong Điền	Huyện Phong Điền
10	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái - Tuyến Xẻo Lá - Năm Tụ - Cây Cẩm ấp Trường Khương A, Trường Phú, Trường Phú B, xã Trường Long, huyện Phong Điền	Huyện Phong Điền
11	Kè phòng, chống biến đổi khí hậu dọc sông Hậu - thành phố ven sông	Các quận, huyện
12	Kè phòng, chống biến đổi khí hậu dọc sông Cái Sắn	Các quận, huyện
13	Kè phòng, chống biến đổi khí hậu dọc sông Cần Thơ	Các quận, huyện

B. HỆ THỐNG CỐNG, TRẠM BƠM CẦN NÂNG CẤP, BỔ SUNG

STT	Tên cống	Vị trí dự kiến
1	Cống âu thuyền rạch Cái Khế	Quận Ninh Kiều
2	Cống ngăn triều rạch Đầu Sấu	Quận Ninh Kiều
3	Cống âu thuyền rạch Hàng Bàng	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
4	Cống ngăn triều Rạch Sao	Quận Bình Thủy
5	Cống ngăn triều Rạch Ranh	Quận Bình Thủy
6	Cống ngăn triều Rạch Súc	Quận Bình Thủy
7	Cống ngăn triều Rạch Nước Lạnh	Quận Bình Thủy
8	Cống ngăn triều Rạch Phó Thọ	Quận Bình Thủy
9	Cống ngăn triều Rạch Cây Dừa	Quận Bình Thủy
10	Cống ngăn triều Rạch Bà Lễ	Quận Ninh Kiều
11	Cống ngăn triều Rạch Trần Ngọc Quế	Quận Ninh Kiều
12	Cống ngăn triều Rạch Tham Tướng	Quận Ninh Kiều
13	Rạch Cái Khế	Quận Ninh Kiều
14	Rạch Hàng Bàng	Quận Ninh Kiều
15	Trạm bơm Rạch Cái Khế	Quận Ninh Kiều
16	Trạm bơm Rạch Đầu Sấu	Quận Ninh Kiều
17	Trạm bơm cầu Ninh Kiều	Quận Ninh Kiều
18	Trạm bơm đường Châu Văn Liêm	
19	Trạm bơm Tham Tướng	Quận Ninh Kiều

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi của thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục IX

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH

THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg

ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. BIỂU 1

TT	Nhà máy nước	Nguồn nước thô	Công suất hiện tại (m^3/ngđ)	Công suất dự kiến năm 2030 (m^3/ngđ)	Khu vực cấp nước
1	Cần Thơ 1	Sông Cần Thơ	55.000	80.000	Quận Ninh Kiều và bổ sung công suất khu đô thị Nam Cần Thơ
2	Cần Thơ 2	Sông Hậu	52.500	97.500	Quận Bình Thủy, bổ sung công suất cho khu đô thị Trà Nóc và trung tâm quận Ô Môn
3	Long Hòa	Sông Bình Thủy	-	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Quận Bình Thủy
4	Trà Nóc	Sông Hậu	20.000	40.000	Khu công nghiệp Trà Nóc và một phần khu đô thị Trà Nóc
5	Ô Môn 1	Sông Ô Môn	2.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	
6	Ô Môn 2	Sông Hậu	-	100.000	Quận Ô Môn, thị trấn Thới Lai và các quận trung tâm thành phố
7	Hưng Phú	Sông Hậu	10.000	40.000	Khu dân cư và khu công nghiệp Hưng Phú, quận Cái Răng

TT	Nhà máy nước	Nguồn nước thô	Công suất hiện tại (m^3/ngđ)	Công suất dự kiến năm 2030 (m^3/ngđ)	Khu vực cấp nước
8	Ba Láng	Sông Ba Láng	7.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Quận Cái Răng
9	Bông Vang	Sông Cần Thơ	10.000	15.000	Thị trấn Phong Điền và khu đô thị sinh thái vườn (huyện Phong Điền)
10	Thốt Nốt 1	Sông Hậu	10.000	20.000	Quận Thốt Nốt, thị trấn Vĩnh Thạnh, thị trấn Thạnh An của huyện Vĩnh Thạnh
11	Thốt Nốt 2	Sông Hậu	-	100.000	
12	Vĩnh Thạnh	Sông Cái Sắn	3.200	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Huyện Vĩnh Thạnh và Thị trấn Thạnh An
13	Thạnh An	Sông Cái Sắn	720	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	
14	Thới Lai	Sông Ô Môn	2.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp	Thị trấn Thới Lai
15	Cờ Đỏ	Kênh Thốt Nốt	3.000	5.000	Thị trấn Thới Lai
16	Nhà máy nước Sài Gòn - Mê Công	Sông Hậu	50.000	50.000	Quận Bình Thủy
17	Các trạm cấp nước nông thôn thuộc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Nước dưới đất	30.164	Tối đa 30.164	Các quận, huyện trên địa bàn thành phố
TỔNG LƯU LƯỢNG CẤP NƯỚC			**204.584**	**507.500**	

B. BIỂU 2

STT	Tên dự án dự kiến	Mô tả dự án (dự kiến quy mô, công suất)	Vị trí dự kiến
1	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh	Nâng cấp hệ thống công trình cấp nước tập trung. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Vĩnh Thạnh
2	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước mặt. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Cờ Đỏ
3	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước mặt. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Thới Lai
4	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước mặt. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng đường ống cấp nước	Huyện Phong Điền
5	Dự án đầu tư các hệ thống giám sát khai thác nước tại các hệ thống cấp nước nông thôn	Triển khai thực hiện đầu tư, kết nối, truyền dữ liệu quan trắc về khai thác nước (lưu lượng, chất lượng nước) theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT	Các quận, huyện
6	Dự án xây dựng các công trình khai thác, xử lý nước mặt	Công suất 20.000 m^3/ngày đêm trở lên	Các quận, huyện
7	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến ống cấp nước đường kính từ D90-D600	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tuyến ống đường kính từ D90 mm đến D600 mm	Các quận, huyện
8	Đầu tư các công trình cấp nước/xử lý nước quy mô hộ gia đình	Cấp nước sạch cho các hộ dân sống phân tán, nhỏ lẻ, nơi mà các tuyến ống cấp nước tập trung không thể kéo mạng đường ống để cung cấp nước	Các huyện

Ghi chú:

- Các công trình cấp, thoát nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

Phụ lục X

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Quy mô dự kiến
	Khu xử lý Thới Lai, huyện Thới Lai	60 ha (đã quy hoạch 120 ha)

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

Phụ lục XI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
A	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**	
1	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Khám Lớn Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
2	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Địa điểm khảo cổ học Nhơn Thành	Huyện Phong Điền
3	Mở rộng di tích lịch sử Cơ quan Đặc ủy An Nam Cộng sản Đảng Hậu Giang (1929 - 1930)	Quận Bình Thủy
4	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Địa điểm căn cứ Huyện Ủy Ô Môn (1971 - 1975) (Căn Cứ Lò Mo)	Huyện Thới Lai
5	Mở rộng Di tích lịch sử Mộ nhà thơ Phan Văn Trị	Huyện Phong Điền
6	Nhà hát thành phố	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng
7	Bảo tàng văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng
8	Khu lưu niệm các danh nhân	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng
9	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Vĩnh Trinh	Huyện Vĩnh Thạnh
10	Thảo cầm viên	Quận Thốt Nốt/các huyện trên địa bàn thành phố
11	Bảo tàng/Trung tâm triển lãm/Rạp chiếu phim/ Nhà hát	Các quận, huyện trên địa bàn thành phố
12	Cải tạo, sửa chữa Nhà hát Tây Đô	Quận Ninh Kiều
13	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Cái Răng	Quận Cái Răng

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
14	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Bình Thủy	Quận Bình Thủy
15	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Ô Môn	Quận Ô Môn
16	Trung tâm Văn hóa Thể thao quận Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt
17	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Thới Lai	Huyện Thới Lai
18	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ
19	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh
20	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phong Điền	Huyện Phong Điền
21	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Thủy	Quận Bình Thủy
22	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Chùa Nam Nhã	Quận Bình Thủy
23	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích nghệ thuật Chùa Long Quang	Quận Bình Thủy
24	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Chùa Hội Linh	Quận Bình Thủy
25	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Mộ Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa	Quận Bình Thủy
26	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà Thờ Họ Dương	Quận Bình Thủy
27	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa căn cứ Ban Chỉ huy Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Cần Thơ (căn cứ Vườn Mận)	Quận Bình Thủy
28	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Nhà Lồng Chợ Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
29	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Hòa tại Đền thờ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác	Quận Ninh Kiều
30	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Bình	Quận Ninh Kiều
31	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Ông (Quảng Triệu Hội Quán)	Quận Ninh Kiều

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
32	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Hiệp Thiên Cung	Quận Cái Răng
33	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa địa điểm chiến thắng của Đội cảm tử - Quốc gia tự vệ cuộc tỉnh Cần Thơ năm 1945 (Trận Lê Bình)	Quận Cái Răng
34	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Thường Thạnh	Quận Cái Răng
35	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm chiến thắng của Tiểu đoàn Tây Đô tại rạch Ông Cửu năm 1968	Quận Cái Răng
36	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thạnh Hòa	Quận Thốt Nốt
37	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Thuận Hưng	Quận Thốt Nốt
38	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Tân Lộc Đông	Quận Thốt Nốt
39	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Thới Thuận	Quận Thốt Nốt
40	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử Mộ Soạn Giả Mộc Quán - Nguyễn Trọng Quyền	Quận Thốt Nốt
41	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Thất Phủ Võ Miếu	Quận Thốt Nốt
42	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Đình Thới An	Quận Ô Môn
43	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Chùa Pôthi Somrôn	Quận Ô Môn
44	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Linh Sơn Cổ Miếu	Quận Ô Môn
45	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa Chùa Cảm Thiên Đại Đế	Quận Ô Môn
46	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Phú Luông	Quận Ô Môn

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
47	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm chuyển quân, Trạm quân y tiền phương và nơi cất giấu vũ khí thuộc Lộ Vòng Cung Cần Thơ trong kháng chiến chống Mỹ	Huyện Phong Điền
48	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa chiến thắng Ông Hào	Huyện Phong Điền
49	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích Lịch sử Giàn Gừa	Huyện Phong Điền
50	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm đế quốc Mỹ thảm sát đồng bào vô tội tại Cầu Nhiếm năm 1966	Huyện Phong Điền
51	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử - văn hóa địa điểm chiến thắng Ông Đưa năm 1960	Huyện Thới Lai
52	Bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng Sản Đảng Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ
53	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	Quận Ninh Kiều/ huyện Phong Điền
B	**LĨNH VỰC THỂ THAO**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà thi đấu đa năng thành phố Cần Thơ	Khu liên hợp thể dục thể thao
2	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động Cần Thơ thành khu liên hợp dịch vụ, y tế - thể thao	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
3	Nhà tập luyện thi đấu nhiều môn tại khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
4	Cụm Sân thể thao ngoài trời và nhà phụ trợ tại khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
5	Trung tâm Thể dục thể thao	Trung tâm Văn hóa Tây Đô, quận Cái Răng
6	Khu nhà nghỉ vận động viên - huấn luyện viên	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
7	Xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ (khu B) tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, hạng mục Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao, sân tập bóng đá, sân điền kinh, hồ bơi	Huyện Phong Điền

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
8	Hồ bơi trung tâm thành phố Cần Thơ	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều
9	Sân golf	Quận Cái Răng/ huyện Thới Lai
10	Khu phức hợp thể thao, giải trí	Quận Bình Thủy/ quận Ô Môn
11	Trường đua ngựa	Quận Bình Thủy/quận Ô Môn/huyện Thới Lai
12	Khu đua xe thể thao	Quận Bình Thủy/ quận Ô Môn
C	**LĨNH VỰC DU LỊCH**	
1	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Cù lao Tân Lộc	Quận Thốt Nốt
2	Khu du lịch sinh thái Phong Điền	Huyện Phong Điền
3	Khu du lịch Cồn Sơn	Quận Bình Thủy
4	Khu du lịch Sông Hậu	Quận Ninh Kiều/quận Ô Môn/quận Thốt Nốt
5	Khu công viên nước Cồn Cái Khế	Quận Ninh Kiều
6	Khu phố đi bộ Hai Bà Trưng	Quận Ninh Kiều
7	Khu phố đi bộ rạch Khai Luông	Quận Ninh Kiều
8	Khu du lịch Hưng Phú (cồn nổi)	Quận Cái Răng
9	Bến tàu du lịch tổng hợp	Quận Ninh Kiều/ quận Cái Răng/ quận Bình Thủy
10	Đầu tư xây dựng Tháp Du lịch Cồn Cái Khế	Quận Ninh Kiều
11	Tổ hợp khách sạn - Hội nghị Cần Thơ tiêu chuẩn cao cấp	Quận Ninh Kiều/ quận Bình Thủy/ quận Cái Răng
12	Trung tâm dịch vụ du lịch Tân Lộc	Quận Thốt Nốt
13	Khu du lịch sinh thái Tân Mỹ, phường Tân Lộc	Quận Thốt Nốt

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
14	Xây dựng mô hình vườn du lịch nông nghiệp	Các huyện: Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh
15	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, vui chơi, giải trí….	Các huyện: Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh
16	Xây dựng các bến thuyền du lịch, bến du thuyền	Quận Thốt Nốt
17	Chợ nổi Cái Răng (đầu tư, phát triển)	Quận Cái Răng

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XII

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ (CDC)	Quận Ninh Kiều
2	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Da liễu Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
3	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1,5 Tesla và máy giúp thở trẻ sơ sinh, trẻ em có chế độ HFO	Quận Ninh Kiều
4	Xây dựng khoa Khám bệnh - Thăm dò chức năng - Xét nghiệm và khoa Nội Tim mạch - Chẩn đoán hình ảnh và mua sắm Hệ thống chụp cắt lớp CT Scanner 128 lát cắt - Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
5	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Huyết học truyền máu Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
6	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
7	Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
8	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Tâm Thần (cơ sở cũ) thành cơ sở 2 Bệnh viện Mắt - Răng Hàm Mặt thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
9	Bệnh viện Quân dân y (Giai đoạn 2)	Huyện Cờ Đỏ
10	Xây dựng Trung tâm Ghép tủy tại Bệnh viện Huyết học - Truyền máu	Quận Ninh Kiều
11	Bệnh viện Tim mạch	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
12	Bệnh viện Mắt	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
13	Nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
14	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa thành phố	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
15	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần	Quận Ô Môn
16	Bệnh viện đa khoa quận Ô Môn	Quận Ô Môn
17	Nâng cấp, cải tạo, mua sắm trang thiết bị Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh
18	Bệnh viện Lão khoa - Nội Tiết	Huyện Phong Điền, Quận Ô Môn
19	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới	Quận Ô Môn
20	Trung tâm điều hành cấp cứu 115 và mạng lưới cấp cứu vệ tinh (thuộc Bệnh viện Đa khoa thành phố)	Quận Ninh Kiều
21	Khu điều trị Nội tổng hợp 2 tại Bệnh viện Đa khoa TP (dành cho đối tượng Ban Bảo vệ sức khỏe Thành ủy quản lý)	Quận Ninh Kiều
22	Nâng cấp Bệnh viện Ung bướu	Quận Ninh Kiều, Quận Ô Môn
23	Bệnh viện Tai Mũi Họng	Quận Ô Môn
24	Bệnh viện Da liễu	Quận Ô Môn
25	Nâng cấp Bệnh viện Y học Cổ truyền	Quận Ninh Kiều
26	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản	Quận Ninh Kiều
27	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	Quận Ô Môn
28	Ngân hàng lưu trữ tế bào gốc máu cuống rốn	Quận Ninh Kiều
29	Bệnh viện chuyên khoa nội tiết	Quận Bình Thủy, Quận Ô Môn
30	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Quận Bình Thủy, Quận Ô Môn
31	Nâng cấp mở rộng, mua sắm trang thiết bị y tế giai đoạn 2021 - 2025 Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
32	Trung tâm chăm sóc sức khỏe	Thành phố Cần Thơ

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XIII

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ để thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
2	Trường Chính trị thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
3	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Quận Bình Thủy
4	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giai đoạn 1 (5,7 ha) thuộc Trường đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Quận Bình Thủy
5	Đầu tư ngành nghề trọng điểm trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Quận Bình Thủy
6	Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Quận Bình Thủy
7	Nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ trở thành trường dạy nghề chất lượng cao	Quận Bình Thủy
8	Trường trung học phổ thông chuyên Lý Tự Trọng	Quận Cái Răng
9	Trường trung học phổ thông Tân Lộc	Quận Thốt Nốt
10	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	Quận Ô Môn
11	Trường Dạy trẻ khuyết tật	Quận Bình Thủy
12	Trường trung học phổ thông Thới Thuận	Quận Thốt Nốt
13	Cải tạo và mua sắm Trang thiết bị Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ cơ sở I	Quận Ninh Kiều
14	Khu giảng đường dãy D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
15	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
16	Xây mới, nâng cấp trường lớp trên địa bàn các quận, huyện theo các cấp học	9 quận, huyện

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình giáo dục đào tạo khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

Phụ lục XIV

DANH MỤC DỰ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án dự kiến	Vị trí dự kiến
1	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	
1.1	Sàn giao dịch công nghệ	Huyện Phong Điền
1.2	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của Trung tâm	Quận Ninh Kiều
2	Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ	
2.1	Nâng cấp mở rộng và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
2.2	Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
3	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Dự án "Đầu tư mở rộng cơ sở 2 Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng"	Quận Cái Răng
4	Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn quốc: Dự án tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị nghiên cứu phục vụ ươm tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	Quận Ô Môn
5	Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vùng tại thành phố Cần Thơ	Quận Ninh Kiều hoặc quận Cái Răng
6	Khu Công nghệ cao Cần Thơ	Quận Ô Môn
7	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp vùng	Quận Cái Răng hoặc quận Thốt Nốt

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Các khu công nghiệp đã thành lập**		
1	Khu công nghiệp Trà Nóc 1	Quận Bình Thủy	135,00
2	Khu công nghiệp Trà Nóc 2	Quận Ô Môn	155,00
3	Khu công nghiệp Hưng Phú 1	Quận Cái Răng	262,00
5	Khu công nghiệp Hưng Phú 2	Quận Cái Răng	67,00
6	Khu công nghiệp Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt	74,87
7	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	Huyện Vĩnh Thạnh	293,70
	Tổng cộng:		**987,57**
II	**Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp**		
1	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	Huyện Vĩnh Thạnh	606,30
2	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 2	Huyện Vĩnh Thạnh	519,00
3	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 3	Huyện Vĩnh Thạnh	675,45
4	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 4	Huyện Vĩnh Thạnh	815,00
5	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 5	Huyện Vĩnh Thạnh, huyện Cờ Đỏ, quận Thốt Nốt	2.550,00
6	Khu công nghiệp Cờ đỏ - Thới Lai	Huyện Cờ Đỏ và huyện Thới Lai	1.070,00
7	Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn	Quận Ô Môn	250
	Tổng cộng:		**6.485,75**
	Tộng diện tích (A+B)		**7.473,32**

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên	Vị trí dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Cụm công nghiệp Bình Thủy	Quận Bình Thủy	75 ha
2	Cụm công nghiệp Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ	75 ha
3	Cụm công nghiệp Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh	75 ha
4	Cụm công nghiệp Thới Lai	Huyện Thới Lai	75 ha

Ghi chú: Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Quy hoạch Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện hữu**		
	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ (theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)	Huyện Cờ Đỏ	244
II	**Quy hoạch mới**		
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Tiến	Huyện Vĩnh Thạnh	64
2	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Lợi	Huyện Vĩnh Thạnh	459
3	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Quới	Huyện Vĩnh Thạnh	285
4	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Trường Xuân	Huyện Thới Lai	120
5	Khu nông nghiệp ứng công nghệ cao xã Đông Thuận	Huyện Thới Lai	120
6	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thới Đông	Huyện Cờ Đỏ	373
III	**Phát triển hạ tầng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**		
1	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ	5.000
2	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Sông Hậu	Huyện Cờ Đỏ	6.500

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XVIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Đơn vị hành chính	Tên đô thị	Hiện trạng	Đến năm 2030	Ghi chú
1	Thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Đô thị loại I Trung ương	Đô thị loại I Trung ương	Thành phố Cần Thơ là đô thị loại I Trung ương với mô hình định hướng như sau: - 05 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt. - Thị xã Phong Điền. - Các huyện: Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh.
2	Thị xã Phong Điền	Thị xã Phong Điền		IV	Trên cơ sở hiện trạng địa giới hành chính huyện Phong Điền và một phần diện tích tự nhiên của các khu vực lân cận khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đảm bảo tiêu chuẩn thị xã.
3	Huyện Thới Lai	Thị trấn Thới Lai	V	IV	
4	Huyện Cờ Đỏ	Thị trấn Cờ Đỏ	V	IV	
5		Đô thị mới Trung An		V	Xã Trung An, huyện Cờ Đỏ thực hiện đầu tư và đánh giá phân loại đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại V khi đủ điều kiện.
6	Huyện Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh	V	IV	Có dự kiến điều chỉnh địa giới hành chính lân cận để mở rộng thị trấn đảm bảo đủ tiêu chuẩn.
7		Thị trấn Thạnh An	V	IV	

Ghi chú:

- Căn cứ nguồn lực đầu tư phát triển, sau khi hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thực hiện công tác lập quy hoạch xây dựng để đầu tư phát triển đô thị đảm bảo hướng đến đô thị đạt tiêu chuẩn phân loại đô thị hiện hành. Việc thực hiện đánh giá, nâng loại đô thị theo quy định pháp luật về phân loại đô thị hiện hành đối với hệ thống đơn vị hành chính đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng giai đoạn.

- Trong trường hợp các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thực hiện sắp xếp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tên và phạm vi các đô thị nêu trên sẽ thực hiện theo tên và phạm vi đơn vị hành chính được duyệt.

Phụ lục XIX

CHỈ TIÊU PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG SỬ DỤNG ĐẤT THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030		
				Diện tích quốc gia phân bổ[1] (ha)	Nhu cầu bổ sung thêm theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng diện tích (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**144.040**	**144.040**		**144.040**
I	**LOẠI ĐẤT**					
1	**Đất nông nghiệp**	NNP	**114.308**	**104.807**	**-20.267**	**84.540**
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78.755	74.319	-25.928	48.391
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78.755	74.319	-25.928	48.391
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	30.793		28.000	28.000
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX				
2	**Đất phi nông nghiệp**	PNN	**29.712**	**39.233**	**20.267**	**59.500**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	845	844	0	844
2.2	Đất an ninh[2]	CAN	65	76	103	179
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	475	2.350	5.123	7.473

[1] Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

[2] Theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030		
				Diện tích quốc gia phân bổ[1] (ha)	Nhu cầu bổ sung thêm theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng diện tích (ha)
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			300	300
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	412		1.636	1.636
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	659		1.411	1.411
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			413	413
2.8	Đất phát triển hạ tầng quốc gia, cấp tỉnh	DHT	9.707	12.517	983	13.500
-	Đất giao thông	DGT	3.661	5.651	1.349	7.000
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	55	191	109	300
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	88	145	155	300
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	571	1.299	0	1.299
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	39	143	157	300
-	Đất công trình năng lượng	DNL	210	244	100	344
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	37	57	8	65
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	8	13	0	13
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	18	41	19	60
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			150	150

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030		
				Diện tích quốc gia phân bổ[1] (ha)	Nhu cầu bổ sung thêm theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng diện tích (ha)
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	60	176	109	285
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT			3.974	3.974
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			12.523	12.523
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC			350	350
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			100	100
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			0	0
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON			148	148
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD			354	354
3	Đất chưa sử dụng	CSD	20	0	0	0
II	**Khu chức năng**					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN			200	200
2	Đất khu kinh tế	KKT				
3	Đất đô thị	KDT	59.310	59.310	29.655	88.965
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN			78.391	78.391
5	Khu lâm nghiệp	KLN			0	
6	Khu du lịch	KDL			720	720
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT			0	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 (ha)	Định hướng đến năm 2030		
				Diện tích quốc gia phân bổ[1] (ha)	Nhu cầu bổ sung thêm theo đề nghị của thành phố (ha)	Tổng diện tích (ha)
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC			9.311	9.311
9	Khu đô thị	DTC			17.043	17.043
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM			2.776	2.776

Ghi chú:

- Diện tích khu chức năng không tính vào diện tích tự nhiên; diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác; diện tích đất phi nông nghiệp còn lại bao gồm các loại đất như đất sông, ngòi, kênh, rạch; đất có mặt nước chuyên dùng,... Trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân thành phố chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu giữa các địa phương để phù hợp với nhu cầu sử dụng. Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các hạng mục công trình dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Đối với các công trình, dự án nằm trong chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất nhưng do quy mô diện tích nhỏ chưa được thể hiện cụ thể trong báo cáo thuyết minh tổng hợp và bản đồ phương án sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 thì được thể hiện chi tiết trong quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Phụ lục XX

PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	**A**			
1	Toàn quận Ninh Kiều và các Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III của quận Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.				
2	Nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước		Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	A6	
3	Khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử văn hóa		Khu vực bảo vệ của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.	A7	Toàn bộ diện tích Khu vực bảo vệ của di tích lịch sử văn hóa

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
II	**Vùng hạn chế phát thải**	**B**			
1	Khu dân cư tập trung ở đô thị và các trung tâm huyện, xã		Các thị trấn (Thạnh An, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền, Thới Lai) và trung tâm hành chính huyện, trung tâm xã ở toàn bộ các huyện được quy hoạch	B1	Các khu vực các thị trấn: Thạnh An, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền, Thới Lai và các trung tâm hành chính 04 huyện, trung tâm xã
2	Hành lang bảo vệ nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước		Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	B2	
III	**Vùng khác**	**C**			
1	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm cảng		Các khu công nghiệp, cảng ven sông Cần Thơ và sông Hậu; và ở các quận, huyện	C1	Toàn bộ diện tích các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm cảng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

TT	Tên vùng	Ký hiệu	Tiểu vùng	Ký hiệu	Ranh giới
2	Các vùng còn lại trên địa bàn thành phố không thuộc danh mục liệt kê tại các mục nêu trên.		Các vùng còn lại	C3	Diện tích còn lại

Ghi chú:

- Vị trí, ranh giới cụ thể của các khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Vị trí chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện.

- Các khu vực thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục XXI

DANH SÁCH CÁC KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu bảo tồn	Phân loại (1)	Vị trí dự kiến (2)
1	Khu vực đất dọc sông Hậu và sông Cần Thơ	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Ô Môn, quận Cái Răng, quận Ninh Kiều, huyện Phong Điền
2	Khu vực Cồn Ấu, Cồn Khương, Cồn Cái Khế (quận Ninh Kiều), Cồn Sơn (quận Bình Thủy)	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy
3	Khu vực Cù lao Tân Lộc	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Thốt Nốt
4	Vườn Cò Bằng Lăng	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Thốt Nốt
5	Khu vực đô thị sinh thái Cờ Đỏ	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Huyện Cờ Đỏ
6	Khu du lịch sinh thái tại Mỹ Khánh (huyện Phong Điền) và các Khu du lịch sinh thái tại quận Cái Răng, Ninh Kiều, Thốt Nốt	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	Quận Cái Răng, huyện Phong Điền, quận Ninh Kiều, quận Thốt Nốt

TT	Tên khu bảo tồn	Phân loại (1)	Vị trí dự kiến (2)
7	Toàn bộ khu vực các công viên trên địa bàn thành phố	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	09 quận, huyện của thành phố
8	Mảng xanh tại khu dân cư đô thị, khu công nghiệp và các hành lang xanh gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, cảnh quan (nếu có)	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	09 quận, huyện của thành phố
9	Các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hiện hữu và hình thành tương lai	Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh	09 quận, huyện của thành phố

Ghi chú:

- Các Khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(1) Phân loại các Khu bảo vệ cảnh quan theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 65/2010/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: (i) Khu dự trữ thiên nhiên, Khu bảo vệ cảnh quan loài - sinh cảnh và khu bảo vệ cảnh quan cấp quốc gia; (ii) Khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh; (iii) Khu bảo vệ cảnh quan loài - sinh cảnh cấp tỉnh; (iv) Khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh.

(2) Vị trí chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện.

Phụ lục XXII

DANH MỤC CƠ SỞ HỎA TÁNG, NHÀ TANG LỄ THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Đơn vị hành chính	Nghĩa trang	Nhà tang lễ	Phạm vi phục vụ	Ghi chú
1	Huyện Thới Lai	Công viên Nghĩa trang	Loại hình nghĩa trang hỗn hợp gồm đài hỏa táng, khu lưu tro, nhà tang lễ, các công trình tâm linh, có phân khu nhiều khu vực riêng để phục vụ theo tôn giáo, dân tộc	Phục vụ nhu cầu toàn thành phố	Xây mới, Quy mô: tối thiểu là 150 ha, tối đa 300 ha
2	Huyện Vĩnh Thạnh	Công viên Nghĩa trang	Loại hình nghĩa trang hỗn hợp phù hợp đặc điểm phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo		Xây mới, Quy mô: tối thiểu là 30 ha, tối đa 50 ha

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Khoanh vùng, đóng cửa (hoặc không hung táng) tại các nghĩa trang hiện có; duy trì các nghĩa trang hiện trạng đến khi lấp đầy; các nghĩa trang nhỏ, phân tán, không đủ khoảng cách ly, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch đóng cửa, trồng cây xanh cách ly, khi có nhu cầu sử dụng đất có thể di chuyển đến nghĩa trang tập trung; chỉnh trang và xây mới các nhà tang lễ theo các phân vùng để phục vụ nhu cầu sử dụng của nhân dân; nghĩa trang nông thôn thực hiện theo quy hoạch xây dựng.

Phụ lục XXIII

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên mỏ	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo (m^3)	Ghi chú
Cát san lấp					
1	Trường Thọ	Phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt	40	504.000	Đang khai thác và hết hạn khai thác vào ngày 20/3/2026
2	Thới An	Quận Ô Môn	49	625.000	Đang khai thác và hết hạn khai thác vào ngày 31/12/2023
3	Phước Lộc	Quận Thốt Nốt	24	784.000	Đang thực hiện thủ tục cấp phép
4	Tân Lộc	Quận Thốt Nốt	76	2.916.000	Đang thực hiện thủ tục cấp phép
5	Phú Thứ - Tân Phú	Phường Phú Thứ, Tân Phú, quận Cái Răng	33,8	480.000	Đấu giá CSL.QH10_CR
6	Tân Phú	Phường Tân Phú, quận Cái Răng	34,3	613.750	Đấu giá CSL.QH11_CR
7	Phước Lộc 2	Phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt	21	455.000	Đấu giá CSL.TN01_TN
8	Trà Nóc	Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, phường Phước Thới, quận Ô Môn	96	1.668.000	Đấu giá CSL.TN03_OM
	Cộng:			**8.045.750**	

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố sẽ do Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của bộ, sẽ căn cứ các Quy hoạch do Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.

Phụ lục XXIV

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2022 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án (dự kiến)
I	**NĂNG LƯỢNG**
1	Trung tâm điện lực Ô Môn
2	Đường ống dẫn khí Lô B
3	Nhà máy điện sinh khối
4	Điện rác
5	Điện mặt trời mái nhà và điện mặt trời mặt đất
6	Sản xuất hydrogen và kho cảng LNG
II	**THƯƠNG MẠI**
1	Khu thương mại dịch vụ du lịch vui chơi giải trí
2	Trung tâm thương mại dịch vụ và Chợ đầu mối nông, thủy sản đồng bằng sông Cửu Long
3	Chợ và Trung tâm thương mại dịch vụ Hưng Thạnh
4	Xây dựng mới hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại
5	Xây dựng trung tâm logistics hạng II gắn với cảng Cái Cui
6	Trung tâm logistics hàng không gắn với Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ
7	Trung tâm Hội chợ triển lãm Cần Thơ
III	**HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP**
1	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh
2	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 2
3	Khu công nghiệp Cờ Đỏ - Thới Lai
4	Trung tâm liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long
5	Cụm Công nghiệp Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Thới Lai.
6	Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn

STT	Tên dự án (dự kiến)
IV	**HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP**
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ (theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)
2	Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ (theo Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)
3	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Trường Xuân
4	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Tiến
5	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Lợi
6	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thạnh Quới
7	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Đông Thuận
8	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thới Đông
9	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Công ty TNHH Một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ
10	Phát triển hạ tầng nông nghiệp vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Nông trường Sông Hậu
11	Khu chăn nuôi tập trung xã Thới Hưng
12	Khu chăn nuôi tập trung xã Đông Bình
V	**HẠ TẦNG CẤP NƯỚC - NGHĨA TRANG - THOÁT NƯỚC**
1	Nâng công suất nhà máy cấp nước Thốt Nốt 1
2	Đầu tư xây dựng mới nhà máy cấp nước Thốt Nốt 2
3	Nâng công suất nhà máy cấp nước Hưng Phú
4	Công viên nghĩa trang
5	Nhà máy xử lý nước thải Cái Sâu 1, Cái Sâu 2 và hệ thống thu gom
6	Nhà máy xử lý nước thải Long Tuyền và hệ thống thu gom
7	Nhà máy xử lý nước thải Trà Nóc và hệ thống thu gom
8	Nhà máy xử lý nước thải Thốt Nốt và hệ thống thu gom

STT	Tên dự án (dự kiến)
VI	**HẠ TẦNG GIAO THÔNG**
A	**Quốc lộ, cao tốc**
1	Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau
2	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng
3	Quốc lộ 91 (đoạn Km0 - Km7)
4	Tuyến nối quốc lộ 91 và tuyến tránh thành phố Long Xuyên (đoạn từ giao với tuyến tránh Thốt Nốt đến ranh giới thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang)
5	Quốc lộ 91B (đoạn từ nút giao IC3 đến ranh tỉnh Hậu Giang)
6	Quốc lộ 61C (đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ)
7	Quốc lộ 80 (đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ)
8	Quốc lộ 91B (đoạn từ giao với QL 91 đến giao với đường 3 tháng 2)
9	Đường kết nối quận Ô Môn với huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
10	Cầu Cần Thơ 2 (bắc qua sông Hậu kết nối đường bộ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ và đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau)
11	Cầu Ô Môn (bắc qua sông Hậu kết nối với đường kết nối quận Ô Môn với huyện Thới Lai và huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang)
B	**Đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị**
1	Đường tỉnh 920 (từ cầu Rạch Chôm đến giao với quốc lộ 91 tại phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt)
2	Đường tỉnh 920D
3	Đường tỉnh 917C (từ giao với đường tỉnh 920 đến giao với quốc lộ 91 và nối dài đến giao với đường tỉnh 923)
4	Đường tỉnh 917B (từ giao với đường tỉnh 917C nối dài đến giao với đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng)
5	Đường tỉnh 918B (từ giao với đường Võ Văn Kiệt đến giao với đường tỉnh 923 và nối dài đến điểm cuối tại ranh giới thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang)
6	Đường tỉnh 921E

STT	Tên dự án (dự kiến)
7	Đường tỉnh 923 (từ thị trấn Phong Điền đến giao với quốc lộ 91)
8	Đường tỉnh 926
9	Đường tỉnh 932
10	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối quốc lộ 91 với quốc lộ 61C)
11	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối quốc lộ 61C đến đường Võ Nguyên Giáp)
12	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (đoạn đi trùng với quốc lộ 91)
13	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối quốc lộ 91 đến quốc lộ 80)
14	Đường Trần Hoàng Na nối dài (từ đường Nguyễn Văn Cừ đến quốc lộ 91B)
15	Đường Hẻm 91 (từ Long Tuyền đến giao với đường vành đai phía Tây thành phố và nối đến giao với đường tỉnh 923)
16	Nguyễn Văn Cừ nối dài (đoạn Mỹ Khánh - Phong Điền - Tân Thới)
17	Cải tạo mở rộng và xây dựng cầu vượt hoặc hầm chui 05 nút giao trọng điểm trên địa bàn quận Ninh Kiều
18	Cầu hoặc hầm Xóm Chài (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đến khu vực Xóm Chài quận Cái Răng)
19	Cầu hoặc hầm (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối từ đường Mậu Thân đến Trung tâm hành chính mới của thành phố tại quận Cái Răng)
20	Cầu qua cù lao Tân Lộc (bắc qua sông Hậu, kết nối từ quốc lộ 91 đến cù lao Tân Lộc, quận Thốt Nốt)
21	Cầu Cái Răng đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Phạm Hùng với Đường 3/2)
22	Cầu Hưng Lợi đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Nguyễn Văn Linh với quốc lộ 91B)
23	Cầu Trần Hoàng Na đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường Trần Hoàng Na nối dài)

STT	Tên dự án (dự kiến)
24	Cầu nối từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến Cồn Khương, quận Bình Thủy (bắc qua rạch Khai Luông, kết nối đến khu đô thị mới Cồn Khương)
25	Cầu Ba Láng đơn nguyên 2 (bắc qua sông Cần Thơ, kết nối đường vành đai phía tây và quốc lộ 61C)
C	**Hàng không**
1	Xây dựng nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay và xây dựng các công trình thiết yếu của Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ
2	Xây dựng các sân bay và vùng nước dành cho thủy phi cơ trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt
3	Trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay
D	**Đường sắt**
1	Đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ đoạn thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ
2	Nhà ga Cần Thơ thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ
3	Quỹ đất dự kiến phát triển đô thị gắn với nhà ga, đường sắt Cần Thơ
4	Quỹ đất dự kiến phát triển logistics gắn với nhà ga Cần Thơ
Đ	**Cảng biển**
1	Bến cảng khách quốc tế Cần Thơ (tại khu vực Bến phà Cần Thơ cũ)
2	Bến cảng và trung tâm logistic tại bến cảng Thốt Nốt
E	**Cảng thủy nội địa**
1	Cảng thủy nội địa hành khách (tại vị trí cuối đường Mai Chí Thọ, khu đô thị 586, quận Cái Răng)
2	Cụm cảng, bến của các tuyến buýt đường thủy trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác
G	**Đường thủy nội địa**
1	Nâng cao tĩnh không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia (cầu Ô Môn, cầu Thới Lai bắc qua sông Ô Môn; Cầu Đông Thuận, cầu Đông Bình bắc qua kênh Thị Đội Ô Môn)
2	Các tuyến sông, kênh lớn trọng điểm do trung ương và địa phương quản lý

STT	Tên dự án (dự kiến)
H	**Bến xe khách**
1	Bến xe khách Cờ Đỏ
2	Bến xe khách phía Tây thành phố Cần Thơ
I	**Bãi đỗ xe công cộng**
	Các bãi đỗ xe công cộng trên mặt đất, ngầm hoặc nhiều tầng
K	**Bãi đỗ xe buýt, xe hàng**
1	Các bến, bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu - cuối xe buýt
2	Các bến, bãi đỗ xe hàng
L	**Giao thông thông minh**
1	Trung tâm quản lý giao thông đô thị
2	Hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh
M	**Tuyến thủy phi cơ**
	Các tuyến thủy phi cơ gắn với các sân bay và vùng nước trên sông Hậu tại các khu vực có tiềm năng về du lịch trên địa bàn các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt
N	**Tuyến buýt đường thủy**
	Các tuyến buýt đường thủy gắn với các cảng, bến, điểm dừng đón trả khách trên sông Hậu, sông Cần Thơ và một số tuyến khác
VII	**PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**
1	Khu Đô thị mới, thương mại, dịch vụ, thể thao và vui chơi giải trí (trong đó có sân golf) (2 khu)
2	Khu đô thị mới - thương mại dịch vụ
3	Thương mại - dịch vụ nhà ở xã hội
4	Khu đô thị mới - dịch vụ hỗn hợp
5	Khu đô thị mới - dịch vụ logistics
6	Khu đô thị mới 2 bên đường Võ Văn Kiệt (khu 1), quận Bình Thủy
7	Khu đô thị mới 2 bên đường Võ Văn Kiệt (khu 2), quận Bình Thủy
8	Khu đô thị mới 2 bên đường Võ Văn Kiệt (khu 3), quận Bình Thủy
9	Khu đô thị mới số 1

STT	Tên dự án (dự kiến)
10	Khu đô thị mới số 7
11	Khu đô thị mới - Khu 3
12	Khu đô thị mới số 6
13	Khu đô thị mới số 8
14	Khu đô thị mới phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn
15	Khu đô thị mới phía Nam quốc lộ 91 (đoạn từ rạch Ông Tành đến rạch Tắc Ông Thục), phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn
16	Khu đô thị mới phường Phú Thứ, quận Cái Răng
17	Khu đô thị mới, cảng, logistic Thốt Nốt
18	Khu đô thị mới Thốt Nốt
19	Khu đô thị mới Trường Lạc
20	Các khu đô thị mới hai bên trục đại lộ Đông Tây, thành phố Cần Thơ trở thành trục động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố
21	Khu đô thị mới và Khu công nghệ thông tin tập trung
22	Khu đô thị mới phường Phước Thới, quận Ô Môn
23	Khu đô thị mới xã Đông Thuận, huyện Thới Lai
VIII	**KHU ĐÔ THỊ - TÁI ĐỊNH CƯ**
1	Khu Tái định cư số 01
2	Khu Tái định cư số 02
3	Khu Đô thị - Tái định cư số 03
4	Khu Đô thị - Tái định cư số 04
5	Khu Tái định cư số 05
6	Khu Tái định cư số 06
7	Khu Tái định cư số 07
8	Khu Tái định cư số 08
9	Khu Tái định cư số 09
10	Khu Đô thị - Tái định cư số 10
11	Khu Đô thị - Tái định cư số 11

STT	Tên dự án (dự kiến)
12	Khu Đô thị - Tái định cư số 12
13	Khu Đô thị - Tái định cư số 13
14	Khu Đô thị - Tái định cư số 14
15	Khu Đô thị - Tái định cư số 15
16	Khu Đô thị - Tái định cư số 16
IX	**KHU HÀNH CHÍNH TẬP TRUNG**
	Khu hành chính thành phố Cần Thơ
X	**LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO**
1	Nhà hát thành phố
2	Bảo tàng văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long
3	Hồ bơi trung tâm thành phố Cần Thơ
4	Bến tàu du lịch tổng hợp

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và các quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kĩ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXV

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của thành phố Cần Thơ	1:250.000
	Các bản đồ về hiện trạng phát triển	
2	Bản đồ hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội	1:50.000
3	Bản đồ hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	1:50.000
5	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (mạng lưới cơ sở y tế; văn hóa thể thao; giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp)	1:50.000
6	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (du lịch, thương mại - dịch vụ, khoa học công nghệ công lập, an sinh xã hội)	1:50.000
7	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải; cấp nước sạch; thoát nước mưa; thủy lợi)	1:50.000
8	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (cấp điện và năng lượng; thông tin truyền thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1:50.000
9	Bản đồ hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (thoát nước thải; xử lý chất thải rắn và nghĩa trang)	1:50.000
10	Bản đồ hiện trạng thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
11	Bản đồ hiện trạng môi trường, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
12	Bản đồ hiện trạng phát triển khu, cụm công nghiệp	1:50.000
13	Bản đồ hiện trạng phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:50.000
14	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng	1:50.000

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
15	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
16	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:50.000
	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	
17	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (mạng lưới cơ sở y tế; văn hóa và thể thao; giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp)	1:50.000
18	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (du lịch, thương mại - dịch vụ; khoa học công nghệ; an sinh xã hội)	1:50.000
	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	
19	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, cấp nước sạch; thoát nước mưa, thủy lợi)	1:50.000
20	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (cấp điện và năng lượng; thông tin truyền thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1:50.000
21	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (thoát nước thải; xử lý chất thải rắn và nghĩa trang)	1:50.000
22	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:50.000
23	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
24	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
25	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:50.000
26	Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch	1:50.000
	Sơ đồ chuyên đề	
27	Sơ đồ phương án phát triển khu, cụm công nghiệp	1:50.000
28	Sơ đồ phương án phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản	1:50.000